BỘ Y TẾ
VIỆN HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU TW
Số: 205 /HH-TM
Địa chỉ: Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 0243.782.1895 (Máy lẻ 532)
Fax: 043.868.5582

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO
Kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc
(Năm 2019-2020)

Kính gửi: Bộ Y tế (138A - Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội)

Thực hiện quy định tại Thông tư số: 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019, Viện Huyết học - Truyền máu TW báo cáo kết quả trúng thầu mua thuốc phục vụ nhu cầu phòng bệnh, khám chữa bệnh năm 2019-2020 như sau:

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
I. Quyết định số: 32/QĐ-HHTM, ngày ký 07/01/2020 , hiệu lực đến ngày 12/01/2021, tổng giá trị gói thầu 520.736.715.980 đ (Hình thức đấu thầu rộng rãi)																
1	CLAMINAT 600	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 100mg	VD-31711-19	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương - Việt Nam	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương - Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	3,000	29,900	89,700,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
2	GLASXINE	Diacerein	50mg	VD-17702-12	Uống	Viên nang cứng	Công ty Cổ phần SPM - Việt Nam	Công ty Cổ phần SPM - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	3,500	17,500,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	3	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
3	SAVIETO 300	Etodolac	300mg	VD-28040-17	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi - Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	4,700	23,500,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
4	SCOLANZO	Lansoprazol	15mg	VN-21360-18	Uống	Viên nang bao tan trong ruột	Laboratorios Liconsa, S. A - Spain	Laboratorios Liconsa, S. A - Spain	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	20,000	4,990	99,800,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
5	PIPERACILLIN 2G	Piperacilin	2g	VD-26851-17	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương - Việt Nam	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương - Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	10,000	68,000	680,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Goldenlife	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
6	Nitromint	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	0,08g/10g	VN-20270-17	Dùng ngoài	Khí dung	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company - Hungary - Hungary	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company - Hungary - Hungary	Hộp 1 lọ 10g	Lọ	500	150,000	75,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Việt Hà	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
7	Vizimtex	Azithromycin	500mg	VN-20412-17	Tiêm	bột pha tiêm truyền	Anfarm hellas S.A. - Hy Lạp	Anfarm hellas S.A. - Hy Lạp	Hộp 01 lọ, Hộp 10 lọ	Lọ	500	265,000	132,500,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vipharco	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
8	Derikad	Deferoxamin	500mg	VD-33405-19	Tiêm	thuốc tiêm đông khô	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	80,000	127,000	10,160,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vipharco	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
9	Zinhepa Inj	Cefpirom	1g	VN-22459-19	Tiêm	Bột pha tiêm	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd - Korea	Hankook Korus Pharm. Co., Ltd - Korea	Hộp 10 lọ	Lọ	5,000	120,000	600,000,000	Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Ngọc Thiện	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
10	Toxaxine 500mg Inj	Tranexamic acid	500mg/5ml	VN-20059-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Daihan Pharm. Co., Ltd - Korea	Daihan Pharm. Co., Ltd - Korea	Hộp 10 ống 5ml	Ống	10,000	15,500	155,000,000	Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Ngọc Thiện	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
11	Bleocip	Bleomycin	15mg	VN-16447-13	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Cipla Ltd - India	Cipla Ltd - India	Hộp 1 lọ 15 đơn vị	Lọ	500	430,000	215,000,000	Công ty Cổ phần VILOGI	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
12	Abingem-1,4gm	Gemcitabin	1,4g	VD3-19-18	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Nhà đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Nhà đóng gói cấp 2 và xuất xưởng: Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Hộp 1 lọ	Lọ	1,000	1,400,000	1,400,000,000	Công ty Cổ phần VILOGI	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
13	Idrona 30	Pamidronat	30mg	VN-20328-17	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd. - India	Naprod Life Sciences Pvt. Ltd. - India	Hộp 1 lọ	Lọ	1,500	615,000	922,500,000	Công ty Cổ phần VILOGI	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
14	Zolex 4mg	Zoledronic acid	4mg/5ml	VN-18478-14	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	USV Private Limited. - India	USV Private Limited. - India	Hộp 1 lọ x 5ml dung dịch đậm đặc pha truyền	Lọ	500	464,650	232,325,000	Công ty Cổ phần VILOGI	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
15	IMMUBRON	Chất ly giải vi khuẩn đông khô của Haemophilus influenzae + Diplococcus pneumoniae + Klebsiella pneumoniae and ozaenae + Staphylococcus aureus + Streptococcus pyogenes and viridans + Neisseria catarrhalis	50mg (trong đó có 7mg hoạt chất tương ứng)	QLSP-818-14	Ngậm dưới lưỡi	Viên nén	Bruschettini s.r.l - Italy	Bruschettini s.r.l - Italy	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	14,000	70,000,000	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
16	Green-VIII inj	Yếu tố VIII	250UI	QLSP-0753-13	Tiêm tĩnh mạch hay truyền nhỏ giọt	Bột đông khô pha tiêm	Green Cross Corporation - Hàn Quốc	Green Cross Corporation - Hàn Quốc	Hộp 1 lọ 250IU và 1 lọ dung môi	Lọ	8,000	1,590,000	12,720,000,000	Công ty Cổ phần Y tế Đức Minh	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
17	Hytinon	Hydroxyurea (Hydroxycarbamid)	500mg	VN - 14715 - 12	Uống	Viên nang	Korea United Pharm.Inc - Hàn Quốc	Korea United Pharm.Inc - Hàn Quốc	Hộp 1 túi nhôm x 10 vỉ x 10 viên	Viên	600,000	4,300	2,580,000,000	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam Hà Nội	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
18	Omeprazol Normon 40mg	Omeprazol	40mg	VN-16151-13	Tiêm	Bột pha tiêm	Laboractorios Normon S.A - Spain	Laboractorios Normon S.A - Spain	Hộp 1 lọ 40mg	Lọ	10,000	37,000	370,000,000	Công ty Cổ phần Dược Đại Nam Hà Nội	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
19	Deferiprone A.T	Deferipron	500mg	VD-25654-16	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	200,000	2,709	541,800,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
20	A.T Domperidon	Domperidon	30mg/30ml	VD-26743-17	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Hộp 1 chai x 30 ml	Chai	5,000	5,775	28,875,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
21	Atropine-BFS	Atropin	0,25mg-1ml	VD-24588-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 50 ống nhựa x 1ml	Ống	2,000	455	910,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
22	Progermila	Bacillus clausii	2x10^9 CFU/5ml	QLSP-903-15	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 8 vỉ x 5 ống nhựa x 5ml/ống	Ống	5,000	5,400	27,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
23	Domuvar	Bacillus subtilis	2 x 10^9 CFU/5ml	QLSP-902-15	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 8 vỉ x 5 ống x 5ml/ống	Ống	5,000	5,250	26,250,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
24	Digoxin-BFS	Digoxin	0,25mg-1ml	VD-31618-19	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 lọ 1ml	Lọ	1,000	16,000	16,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
25	Dobutamin - BFS	Dobutamin	250mg/5ml	VD-26125-17	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 ống × 5ml	Ống	200	55,000	11,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
26	BFS-Famotidin	Famotidin	20mg/2ml	VD-29702-18	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 lọ x 2 ml	Lọ	3,000	37,050	111,150,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
27	BFS-FUROSEMIDE 40 mg/4 ml	Furosemid	40 mg/4 ml	VD-25669-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 ống x 4ml	Ống	50,000	9,450	472,500,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
28	Stiprol	Glycerol	6,75g/9g	VD-21083-14	Thụt trực tràng	Gel thụt trực tràng	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh - Việt Nam	Hộp 6 tuýp x 9g	Tuýp	5,000	6,930	34,650,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
29	BFS- Grani	Granisetron hydroclorid	1 mg/ 1 ml	VD-26122-17	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 lọ. Lọ x 1ml/túi nhôm	Lọ	5,000	42,000	210,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
30	Phenhalal	Levocetirizin	2,5mg/10ml	VD-27484-17	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 5 ống x 10ml	Ống	10,000	5,800	58,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
31	Line-BFS 600mg	Linezolid*	600mg/ 10ml	VD-28878-18	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha truyền tĩnh mạch	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 ống 10ml	Ống	5,000	195,000	975,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
32	Kama-BFS	Magnesi aspartat + kali aspartat	(400mg + 452mg)/ 10ml	VD-28876-18	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 lọ x 10 ml	Lọ	10,000	16,000	160,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
33	Golistin-enema	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	(21,41g +7,89g)/ 133ml	VD-25147-16	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 1 lọ 133ml	Lọ	5,000	51,975	259,875,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
34	Golistin-enema for children	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	(10,63g +3,92g)/ 66 ml	VD-24751-16	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 1 lọ 66ml	Lọ	5,000	39,690	198,450,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
35	BFS-Noradrenaline 4mg	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	4mg/4ml	VD-27818-17	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 lọ x 4ml	Lọ	1,000	54,000	54,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
36	Trainfu	Sắt clorid + kẽm clorid + mangan clorid + đồng clorid + crôm clorid + natri molypdat dihydrat + natri selenid pentahydrat + natri fluorid + kali iodid	(6,958 mg+6,815 mg+ 1,979mg+ 2,046 mg+0,053 mg+ 0,0242 mg + 0,0789 mg+ 1,260 mg+0,166 mg)/10ml	VD-30325-18	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 10 túi x lọ 10ml	Lọ	1,000	29,400	29,400,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
37	Phytok	Phytomenadion (vitamin K1)	20 mg/ml ống 2 ml	VD-28882-18	Uống	Nhũ tương uống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 1 ống x 2 ml	Ống	2,000	88,200	176,400,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
38	Phytok	Phytomenadion (vitamin K1)	100mg/5ml	VD-28882-18	Uống	Nhũ tương uống	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 1 ống x 5ml	Ống	2,000	150,000	300,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
39	Acyclovir Stada 200mg	Aciclovir	200mg	VD-26553-17	Uống	Viên nén	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 5 viên	Viên	100,000	997	99,700,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
40	Acyclovir Stada 800mg	Aciclovir	800mg	VD-23346-15	Uống	Viên nén	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 7 vỉ x 5 viên	Viên	10,000	4,000	40,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	3	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
41	Aspirin Stada 81mg	Acetylsalicylic acid	81mg	VD-27517-17	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 28 viên	Viên	120,000	290	34,800,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
42	Stadnex 20 CAP	Esomeprazol	20mg	VD-22345-15	Uống	Viên nang cứng	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	3,000	2,600	7,800,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	3	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
43	Fluconazol Stada 150mg	Fluconazol	150mg	VD-32401-19	Uống	Viên nang cứng	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Viên	50,000	8,000	400,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
44	Kedrigamma	Immune globulin	2.5g/50ml	QLSP-0601-12	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Kedrion S.p.A - Italia	Kedrion S.p.A - Italia	Hộp 1 chai 50ml	Lọ	1,000	3,290,000	3,290,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
45	Itranstad	Itraconazol	100 mg	VD-22671-15	Uống	Viên nang cứng	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 6 viên	Viên	20,000	7,250	145,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
46	Tefostad T300	Tenofovir (TDF)	300mg	VD-23982-15	Uống	Viên nén bao phim	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1,000	8,000	8,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	3	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
47	Zopistad 7.5	Zopiclon	7,5mg	VD-18856-13	Uống	Viên nén bao phim	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Tên mới: Công ty TNHH liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1 Tên cũ: Chi nhánh Công ty TNHH liên doanh Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	2,450	12,250,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Gia Linh	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
48	Haemoctin SDH 500	Yếu tố VIII	500IU	QLSP-859-15	Truyền tĩnh mạch	Bột đông khô và dung môi pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	- Cơ sở sx thành phẩm:Biotest AG - Cơ sở xuất xưởng: Biotest pharma GmbH - Đức	- Cơ sở sx thành phẩm:Biotest AG - Cơ sở xuất xưởng: Biotest pharma GmbH - Đức	Hộp chứa 1 lọ bột thuốc (500IU) và 1 lọ nước cất pha tiêm 10ml + bộ dụng cụ pha.	Lọ	7,000	3,018,000	21,126,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoàng Giang	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
49	Carboplatin Sindan	Carboplatin	450mg/45ml	VN-11617-10	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha dịch truyền	S.C Sindan-Pharma S.R.L - Romania	S.C Sindan-Pharma S.R.L - Romania	Hộp 1 lọ	Lọ	500	760,000	380,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Hoàng Mai	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
50	Sintopozid	Etoposid	100mg/5ml	VN-18127-14	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc pha dịch truyền	S.C Sindan-Pharma S.R.L - Romania	S.C Sindan-Pharma S.R.L - Romania	Hộp 1 lọ	Lọ	5,000	115,000	575,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Hoàng Mai	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
51	Eurostat-E	Atorvastatin + ezetimibe	10mg+10mg	VN-18362-14	Uống	Viên	Eurolife Healthcare Pvt. - Ấn Độ	Eurolife Healthcare Pvt. - Ấn Độ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3,000	4,200	12,600,000	Công ty cổ phần Dược phẩm Kim Tinh	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
52	Hepa-Merz	L-Ornithin - L-aspartat	5g-10ml	VN-17364-13	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	B.Braun Melsungen AG - Đức	B.Braun Melsungen AG - Đức	Hộp 5 ống 10ml	Ống	20,000	115,000	2,300,000,000	Công ty cổ phần Dược phẩm Kim Tinh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
53	Fluximem injection	Phloroglucinol hydrat+trimethyl phloroglucinol	40mg +0.04mg/ 4ml	VN-15182-12	Tiêm	Thuốc tiêm	Nanjing Hencer Pharmaceutical Co., Ltd. - Trung Quốc	Nanjing Hencer Pharmaceutical Co., Ltd. - Trung Quốc	Hộp 6 ống 4ml	Ống	5,000	19,700	98,500,000	Công ty cổ phần Dược phẩm Kim Tinh	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
54	Prevasel 10	Pravastatin	10mg	VD-25265-16	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Savi - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Savi - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	3,000	4,150	12,450,000	Công ty cổ phần Dược phẩm Kim Tinh	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
55	Cyclonamine 12,5%	Ethamsylat	250mg/2ml	VN-21709-19	Tiêm	Thuốc tiêm	Pharmaceutical Works Polpharma S.A - Ba Lan	Pharmaceutical Works Polpharma S.A - Ba Lan	Hộp 5 ống 2ml	Ống	5,000	24,000	120,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Mỹ Quốc	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
56	Cyclonamine	Ethamsylat	250mg	VN-20913-18	Uống	Thuốc uống	Pharmaceutical Manufacturing Cooperative GALENA - Ba Lan	Pharmaceutical Manufacturing Cooperative GALENA - Ba Lan	Hộp 30 viên	Viên	10,000	6,860	68,600,000	Công ty cổ phần dược phẩm Mỹ Quốc	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
57	Calcium Lactate 300 Tablets	Calci lactat	300mg	6573/QLD-KD	Uống	Viên nén	Remedica Ltd - Cyprus	Remedica Ltd - Cyprus	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	100,000	2,000	200,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
58	Cefoperazone ABR 2g powder for solution for injection	Cefoperazon	2g	VN-20733-17	Tiêm	Bột pha dung dịch tiêm	Balkanpharma - Razgrad AD - Bulgaria	Balkanpharma - Razgrad AD - Bulgaria	Hộp 5 lọ	Lọ	5,000	95,000	475,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
59	Venokern 500mg viên nén bao phim	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	VN-21394-18	Uống	Viên nén bao phim	Kern Pharma S.L - Spain	Kern Pharma S.L - Spain	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	3,150	15,750,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
60	Ofloxacin	Ofloxacin	200mg/ 100ml	VD-31215-18	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Hộp 1 lọ 100ml	Lọ	10,000	89,000	890,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
61	Oxacillin 1g	Oxacilin	1g	VD-26162-17	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương - Việt Nam	Chi nhánh 3- Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương - Việt Nam	Hộp 1 lọ, 10 lọ	Lọ	20,000	45,000	900,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
62	Codalgin Forte	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	VN-13600-11	Uống	Viên nén	Aspen Pharma Pty Ltd - Australia	Aspen Pharma Pty Ltd - Australia	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	10,000	3,100	31,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
63	Greenramin	Sắt protein succinylat	800mg / 15ml	VD-27884-17	Uống	Dung dịch/ Hỗn dịch/ Nhũ dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Hộp 10 lọ x 15ml	Lọ	10,000	18,200	182,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
64	Mikrobiel 400mg/250ml	Moxifloxacin	400mg/250 ml	VN- 21596-18	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Cooper S.A. Pharmaceuticals - Hy Lạp	Cooper S.A. Pharmaceuticals - Hy Lạp	Chai 250ml và Hộp 01 chai 250ml	Chai	5,000	294,000	1,470,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thế Giới Mới	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
65	Meileo	Aciclovir	25mg/ml	VN-20711-17	Tiêm	Thuốc tiêm	Tedec-Meiji Farma - Tây Ban Nha	Tedec-Meiji Farma - Tây Ban Nha	Hộp 5 ống 10ml	ống	3,000	248,000	744,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
66	Demoferidon	Deferoxamin	500mg	VN-21008-18	Tiêm	Thuốc tiêm	Demo S.A.Pharmaceutical Industry - Greece	Demo S.A.Pharmaceutical Industry - Greece	Hộp 10 lọ, thuốc bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	60,000	155,000	9,300,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
67	AMINOACID KABI 5%	Acid amin*	5% - 500ml	VD-25361-16	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Hộp 1 chai x 500ml	Chai	1,000	66,150	66,150,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
68	AMPHOLIP	Amphotericin B*	50mg (5mg/ml)	VN-19392-15	Tiêm	Hỗn dịch tiêm tĩnh mạch	Bharat Serums And Vaccines Ltd - India	Bharat Serums And Vaccines Ltd - India	Hộp 1 Lọ 10ml	Lọ	2,000	1,800,000	3,600,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
69	GLUCOSE 5%	Glucose	5% 100ml	VD-28252-17	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Chai nhựa 100ml	Chai	50,000	7,665	383,250,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
70	GLUCOSE 20%	Glucose	20% - 500ml	VD-29314-18	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Chai 500ml	Chai	10,000	12,180	121,800,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
71	GLUCOSE 10%	Glucose	10% - 250ml	VD-25876-16	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Chai 250ml	Chai	2,000	9,765	19,530,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
72	MANNITOL	Manitol	20% - 250ml	VD-23168-15	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - Việt Nam	Chai 250ml	Chai	2,000	18,375	36,750,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
73	METOCLOPRAMID KABI 10MG	Metoclopramid	10mg/2ml	VD-27272-17	Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp	Thuốc Tiêm	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Hộp 12 ống x 2ml	Ống	6,000	1,313	7,878,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
74	NATRI BICARBONAT 1,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	1,4% - 500ml	VD-25877-16	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Chai 500ml	Chai	70,000	39,690	2,778,300,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
75	NATRI BICARBONAT 1,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	1,4% - 250ml	VD-25877-16	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - VietNam	Chai 250ml	Chai	20,000	31,973	639,460,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
76	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9% - 250ml	VD-21954-14	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - Việt Nam	Chai nhựa PP 500ml chứa 250ml dung dịch	Chai	180,000	8,400	1,512,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
77	RINGER LACTATE	Ringer lactat	500ml	VD-22591-15	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - Việt Nam	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam - Việt Nam	Chai nhựa 500ml	Chai	30,000	8,274	248,220,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
78	Zovitit	Aciclovir	200 mg	VN-15819-12	uống	viên nang chứa vi hạt	S.C.Slavia pharma S.R.L - Rumani	S.C.Slavia pharma S.R.L - Rumani	hộp 2 vỉ x 10 viên	viên	60,000	3,770	226,200,000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung ương Codupha	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
79	Busulfan Injection	Busulfan	60mg/10ml	VN3-86-18	đường tiêm truyền	dd tiêm truyền	Fresenius Kabi Oncology - Ấn Độ	Fresenius Kabi Oncology - Ấn Độ	hộp 1 lọ 10 ml	lọ	500	3,630,900	1,815,450,000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung ương Codupha	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
80	Gonzalez-125	Deferasirox	125 mg	VD-28909-18	Uống	Viên nén phân tán trong nước	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	40,000	9,350	374,000,000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung ương Codupha	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
81	Moveloxin Injection 400mg	Moxifloxacin	400mg/250 ml	VN-18831-15	đường tiêm truyền	Thuốc tiêm	CJ HealthCare Corporation - Hàn quốc	CJ HealthCare Corporation - Hàn quốc	Túi nhôm chứa 1 túi nhựa 250 ml	Túi	3,000	227,000	681,000,000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung ương Codupha	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
82	Amiparen – 10	Acid amin*	10%-200ml	VD-15932-11	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	20 chai/ Thùng	chai	1,000	63,000	63,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
83	Amiparen – 10	Acid amin*	10%-500ml	VD-15932-11	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	20 chai/ Thùng	chai	500	79,500	39,750,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
84	Kidmin	Acid amin*	7,2%-200ml	VD-28287-17	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	20 chai/ Thùng	chai	1,000	115,000	115,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
85	MG - Tan Inj	Acid amin + glucose + lipid (*)	11,3% + 11% +20%/ 960ml	VN-21330-18	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	MG Co., Ltd - Hàn quốc	MG Co., Ltd - Hàn quốc	Túi 960ml	túi	500	577,500	288,750,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
86	Sodium Aescinate for Injection 5mg	Aescin	5mg	2425/QLD-KD	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Wuhan Changlian Laifu Pharmaceutical Limited Liability Company - Trung Quốc	Wuhan Changlian Laifu Pharmaceutical Limited Liability Company - Trung Quốc	Hộp 10 lọ	lọ	500	52,500	26,250,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
87	Syntarpen	Cloxacilin	1g	VN-21542-18	Tiêm	Thuốc tiêm	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A - Ba Lan	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A - Ba Lan	Hộp 1 lọ	lọ	5,000	57,000	285,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
88	Colistimetato de Sodio G.E.S 1MUI	Colistin*	1 MIU	11184/QLD-KD	Tiêm	Thuốc tiêm	Genfarma Laboratorio, S.L - Tây Ban Nha	Genfarma Laboratorio, S.L - Tây Ban Nha	Hộp 10 lọ	lọ	5,000	378,000	1,890,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
89	Diazepam 5mg	Diazepam	5mg	VD-24311-16	Uống	Viên	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương - Việt Nam	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha tỉnh Bình Dương - Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Viên	30,000	210	6,300,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
90	Immunoglobulin um humanum normale-Biopharma	Immune globulin	150mg/1,5ml	5068/QLD-KD	Tiêm	Thuốc tiêm	Biofarma Plasma Limited Liability Company - Ukraine	Biofarma Plasma Limited Liability Company - Ukraine	Hộp 2 vỉ x 5 ống	ống	5,000	253,575	1,267,875,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
91	Dung dịch tiêm Midanium	Midazolam	5mg - 1ml	VN-13844-11	Tiêm	Thuốc tiêm	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. - Ba Lan	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. - Ba Lan	Hộp 2 vỉ x 5 ống	ống	500	17,850	8,925,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
92	Osaphine	Morphin	10mg/1ml	VD-28087-17	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	ống	1,000	3,360	3,360,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
93	Sodium Chloride 0.9%	Natri clorid	0.9%-500ml/ Chai 700ml	VD-24019-15	25 chai/ Thùng	Tiêm	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	Chai 500 ml	chai	200,000	8,500	1,700,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
94	Levonor	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	1 mg/1ml	VN-20116-16	Tiêm	Thuốc tiêm	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. - Ba Lan	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. - Ba Lan	Hộp 2 vỉ x 5 ống	ống	2,000	35,000	70,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
95	Palono-BFS	Palonosetron hydroclorid	0.25mg/5ml	VD-27831-17	Tiêm	Thuốc tiêm	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	Hộp 1 ống	ống	2,000	410,000	820,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
96	Acetate Ringer's	Ringer acetat	Na+ (145mmol/l) K+ (4mmol/l) Ca2+(2.5mmol/l)../500 ml	VD-24018-15	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Otsuka Việt Nam - Việt Nam	25 chai/ Thùng	chai	10,000	16,000	160,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
97	Biseptol	Sulfamethoxazol + trimethoprim	3,2g + 0,64g/lọ 80ml	VN-20800-17	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	Medana Pharma S.A. - Ba Lan	Medana Pharma S.A. - Ba Lan	Hộp 1 chai 80ml hỗn dịch uống	chai	3,000	110,000	330,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
98	Octanate 50 IU/ml	Yếu tố VIII	250UI	569/QLD-KD	Tiêm	Thuốc tiêm	Nhà sản xuất chia liều: Octapharma Pharmazeutika Produktionsges. m.b.H - Áo, Nhà đóng gói: Octapharma Dessau GmbH - Đức - Đức	Nhà sản xuất chia liều: Octapharma Pharmazeutika Produktionsges. m.b.H - Áo, Nhà đóng gói: Octapharma Dessau GmbH - Đức - Đức	Hộp 1 lọ 5ml bột pha dung dịch tiêm truyền (kèm 1 lọ 5ml dung môi nước cất pha tiêm, 1 xylanh, 1 kim hai đầu, 1 kim lọc, 1 bộ kim truyền, 2 miếng bông tẩm cồn)	lọ	8,000	1,617,000	12,936,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
99	Thémaxtene	Alimemazin	45mg	VD-17021-12	Uống	Siro	Vidipha - Việt Nam	Vidipha - Việt Nam	Hộp 01 chai 90ml	Chai	1,000	10,080	10,080,000	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
100	Vidlox 200	Cefpodoxim	200mg	VD-29883-18	Uống	Viên nén dài bao phim	Vidipha - Việt Nam	Vidipha - Việt Nam	Hộp 2 vỉ 5 viên	viên	5,000	1,680	8,400,000	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
101	Savi Gemfibrozil 600	Gemfibrozil	600mg	VD-28033-17	Uống	Viên nén bao phim	SaVi - Việt Nam	SaVi - Việt Nam	Hộp 6 vỉ 10 viên	Viên	5,000	4,200	21,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
102	Cloxacilin 1g	Cloxacilin	1g	VD-30589-18	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm VCP - Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	8,000	39,000	312,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
103	Alverin	Alverin citrat	40mg	VD-29221-18	Uống	Viên	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 50 vỉ x 15 viên nén	Viên	10,000	130	1,300,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
104	Asadin Injection 1mg/ml	Arsenic trioxid	10mg/10ml	7461/QLD-KD	tiêm	Thuốc tiêm	TTY Biopharm - Đài Loan	TTY Biopharm - Đài Loan	Hộp 01 lọ 10ml	Lọ	700	2,400,000	1,680,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
105	Calci Folinat 10ml	Calci folinat (folinic acid, leucovorin)	100mg/10ml	VD-29224-18	tiêm	Thuốc tiêm	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 2 vỉ x 5 ống	ống	1,500	42,525	63,787,500	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
106	Dimedrol	Diphenhydramin	10mg/1ml	VD-24899-16	tiêm	Thuốc tiêm	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 100 ống	ống	30,000	546	16,380,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
107	Vinfadin 40mg	Famotidin	40mg/5ml	VD-32939-19	tiêm	Thuốc tiêm	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 10 vỉ x5 ống	ống	3,000	73,500	220,500,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
108	Vinluta	Glutathion	300mg	VD-19987-13	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 10 lọ	lọ	10,000	20,580	205,800,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
109	Aslem	Glycyl funtumin (hydroclorid)	0,3mg/ml	VD-32032-19	tiêm	Thuốc tiêm	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 10 ống	ống	20,000	38,850	777,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
110	Kali clorid 10%	Kali clorid	1g - 10ml	VD-25324-16	tiêm	Thuốc tiêm	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 10 vỉ x5 ống	ống	15,000	1,596	23,940,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
111	Natri clorid 10%	Natri clorid	10%-5ml	VD-20890-14	tiêm	Thuốc tiêm	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 50ống	ống	1,000	2,310	2,310,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
112	Vinphacetam	Piracetam	400mg	VD-28150-17	Uống	Viên nang	Vinphaco - Việt nam	Vinphaco - Việt nam	Hộp 10vỉ x 10 viên nang cứng	Viên	5,000	210	1,050,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
113	Dacarbazine Medac	Dacarbazin	200mg	13884/QLD-KD	Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Oncomed manufacturing A.S (xuất xưởng: Medac Gesellschaft fur klinische Spezialpraparate mbH , Đức) - Séc	Oncomed manufacturing A.S (xuất xưởng: Medac Gesellschaft fur klinische Spezialpraparate mbH , Đức) - Séc	Hộp 10 lọ bột	Lọ	300	319,000	95,700,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
114	Spectrila	L-asparaginase	10.000IU	14626/QLD-KD	Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Rentschler Biopharma SE (đóng gói thứ cấp, xuất xưởng:Medac Gesellschaft fur klinische Spezialpraparate mbH , Đức) - Đức	Rentschler Biopharma SE (đóng gói thứ cấp, xuất xưởng:Medac Gesellschaft fur klinische Spezialpraparate mbH , Đức) - Đức	Hộp 1 lọ hoặc 5 lọ bột	Lọ	800	4,500,000	3,600,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
115	Erwinase	L-asparaginase	10.000IU	23273/QLD-KD	Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Porton Biopharma Limited - Anh	Porton Biopharma Limited - Anh	Hộp 5 lọ bột đông khô	Lọ	500	26,860,000	13,430,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
116	Adeline	Lenalidomid	5mg	14626/QLD-KD	Uống	Viên nang cứng	Synthon Chile Ltda - Chi Lê	Synthon Chile Ltda - Chi Lê	Hộp 3 vỉ x 7 viên	Viên	10,000	100,000	1,000,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
117	Adeline	Lenalidomid	10mg	14626/QLD-KD	Uống	Viên nang cứng	Synthon Chile Ltda - Chi Lê	Synthon Chile Ltda - Chi Lê	Hộp 7 vỉ x 3 viên	Viên	10,000	190,000	1,900,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
118	Adeline	Lenalidomid	25mg	14626/QLD-KD	Uống	Viên nang cứng	Synthon Chile Ltda - Chi Lê	Synthon Chile Ltda - Chi Lê	Hộp 7 vỉ x 3 viên	Viên	10,000	400,000	4,000,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
119	Alkeran	Melphalan	50mg	14626/QLD-KD	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A - Ý	GlaxoSmithKline Manufacturing S.p.A - Ý	Hộp 1 lọ bột + 1 lọ dung môi	Hộp	100	9,500,000	950,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
120	PVP-IODINE 10%	Povidon iodin	10%-50ml	VD-23736-15	Thuốc dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Công ty cổ phần dược trung ương 3 - Việt Nam	Công ty cổ phần dược trung ương 3 - Việt Nam	Lọ 50ml	Lọ	20,000	9,120	182,400,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
121	Thalidomid	Thalidomid	100mg	VD-27476-17	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex - Việt Nam	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	60,000	94,400	5,664,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
122	Vinblastina Teva	Vinblastin (sulfat)	10mg	14626/QLD-KD	Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch tiêm	Pharmachemie B.V - Hà Lan	Pharmachemie B.V - Hà Lan	Hộp 1 lọ 10ml	Lọ	500	1,620,000	810,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
123	BDF-FDACell 50	Fludarabin	50mg	VD-23134-15	Tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Bidiphar - Việt Nam	Bidiphar - Việt Nam	Hộp 1 lọ + 1 ống nước cất pha tiêm 2ml	Lọ	800	1,774,500	1,419,600,000	Công Ty Cổ Phần Dược-Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
124	Biragan 300	Paracetamol (acetaminophen)	300mg	VD-23136-15	Đặt hậu môn	Thuốc đạn	Bidiphar - Việt Nam	Bidiphar - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên	10,000	1,680	16,800,000	Công Ty Cổ Phần Dược-Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
125	Deferox 500	Deferasirox	500 mg	VD-26015-16	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 - Việt Nam	Hộp 10 vỉ × 10 viên	Viên	20,000	26,500	530,000,000	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế Thành An	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
126	Deferox 500	Deferasirox	500 mg	VD-26015-16	Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 - Việt Nam	Hộp 10 vỉ × 10 viên	Viên	20,000	26,500	530,000,000	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ quốc tế Thành An	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
127	BIVIVEN	Diosmin	600mg	VD-31013-18	Uống	Viên nén bao phim	Công ty TNHH BRV Healthcare - Việt Nam	Công ty TNHH BRV Healthcare - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	5,000	25,000,000	Công ty Cổ phần Gon Sa	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
128	KIDVITON	Lysin + Vitamin + Khoáng chất	(1.200 mg; 12.240 mg ; 12 mg; 14 mg; 24 mg; 2.400 IU; 60 mg; 80 mg; 40 mg)/60ml	VD-22006-14	uống	siro thuốc	Chi nhánh Công ty TNNH LD Stada-Việt Nam - Việt Nam	Chi nhánh Công ty TNNH LD Stada-Việt Nam - Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml	Chai	10,000	35,000	350,000,000	Công ty Cổ phần Gon Sa	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
129	CUELLAR	Ursodeoxycholic acid	150mg	VD-19654-13	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Hộp/6 vỉ x 10 viên	Viên	30,000	2,190	65,700,000	Công ty Cổ phần Gon Sa	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
130	Azilyo	Azithromycin	500mg	VD-28855-18	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Hộp 5 lọ + ống nước cất pha tiêm 5ml	Lọ	500	86,000	43,000,000	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
131	Colistimed	Colistin*	2 MIU	VD-24644-16	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty TNHH SXDP Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Công ty TNHH SXDP Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	1,000	520,000	520,000,000	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
132	Fosfomed 500	Fosfomycin*	500mg	VD-28605-17	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty TNHH SXDP Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Công ty TNHH SXDP Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Hộp 10 lọ	Lọ	10,000	33,500	335,000,000	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
133	Tazenase	Lisinopril	20mg	VN-21369-18	Uống	Viên nén	Bluepharma Industria Farmaceutica S.A - Portugal	Bluepharma Industria Farmaceutica S.A - Portugal	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Viên	5,000	3,600	18,000,000	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
134	A.T Nitroglycerin inj	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	5mg/5ml	VD-25659-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Hộp 10 ống x 5ml	Ống	3,000	48,993	146,979,000	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
135	Paracetamol A.T inj	Paracetamol (acetaminophen)	300mg/ 2ml	VD-26757-17	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	Ống	5,000	6,300	31,500,000	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
136	Atiglucinol inj	Phloroglucinol hydrat+trimethyl phloroglucinol	40mg + 0,04mg/ 4ml	VD-25642-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Hộp 10 ống x 4ml	Ống	5,000	26,985	134,925,000	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
137	PMS-Ursodiol C 500mg	Ursodeoxycholic acid	500mg	VN-18409-14	Uống	Viên nén	Pharmascience Inc - Canada	Pharmascience Inc - Canada	Chai 100 viên	Viên	20,000	20,000	400,000,000	Công ty cổ phần TMDV Thăng Long	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
138	Goldoflo	Ofloxacin	200mg/ 40ml	VN-20729-17	Tiêm truyền	Dung dịch truyền tĩnh mạch	InfoRLife SA - Thụy Sỹ	InfoRLife SA - Thụy Sỹ	Hộp 10 túi dịch truyền 40ml	Túi	5,000	155,000	775,000,000	Công ty cổ phần thương mại và phát triển Hà Lan	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
139	Emanera 20mg	Esomeprazol	20mg	VN-18443-14	Uống	Viên nang cứng	KRKA,DD., Novo mesto - Slovenia	KRKA,DD., Novo mesto - Slovenia	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	10,000	11,130	111,300,000	Công ty Cổ Phần Vi Anh Pharma	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
140	Milrinone 1mg/ml	Milrinon	10mg/10ml	22994/QLD-KD	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Tiêm truyền	Cenexi - France	Cenexi - France	Hộp 2 x 5 ống tiêm 10ml	Ống	500	1,404,522	702,261,000	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Thái An	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
141	Langitax 20	Rivaroxaban	20mg	VD-29000-18	Uống	Viên nén bao phim	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược Phẩm Phong Phú-nhà máy Usarichpharma - Việt Nam	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược Phẩm Phong Phú-nhà máy Usarichpharma - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	500	36,000	18,000,000	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Thái An	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
142	Langitax 15	Rivaroxaban	15mg	VD-28999-18	Uống	Viên nén bao phim	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược Phẩm Phong Phú-nhà máy Usarichpharma - Việt Nam	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược Phẩm Phong Phú-nhà máy Usarichpharma - Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	500	34,200	17,100,000	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu y tế Thái An	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
143	Natri clorid 0,45%	Natri clorid	0.45%-500ml	VD-32723-19	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	B.Braun/ Việt Nam - Việt Nam	B.Braun/ Việt Nam - Việt Nam	Chai 500ml	Chai	1,000	11,466	11,466,000	Công ty TNHH BBraun Việt Nam	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
144	DAUNOCIN	Daunorubicin	20mg	VN-17487-13	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Korea United Pharm.Inc - Hàn Quốc	Korea United Pharm.Inc - Hàn Quốc	Hộp 1 lọ	lọ	20,000	196,000	3,920,000,000	Công ty TNHH Bionam	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
145	CATOPRINE	Mercaptopurin	50mg	VN-20179-16	Uống	Viên nén	Korea United Pharm.Inc - Hàn Quốc	Korea United Pharm.Inc - Hàn Quốc	Hộp 100 viên	viên	10,000	2,800	28,000,000	Công ty TNHH Bionam	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
146	VINCRAN	Vincristin sulfat	1mg/1ml	VN-21534-18	Tiêm	Dung dịch	Korea United Pharm.Inc - Hàn Quốc	Korea United Pharm.Inc - Hàn Quốc	Hộp 1 lọ	lọ	10,000	92,000	920,000,000	Công ty TNHH Bionam	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
147	Wedes	Azathioprin	50 mg	VD-18520-13	Uống	Viên nén tròn bao film	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Hộp/2 vỉ x10 viên	Viên	170,000	7,000	1,190,000,000	Công ty TNHH dịch vụ đầu tư phát triển y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
148	Terzence-2,5	Methotrexat	2,5 mg	QLĐB-643-17	Uống	Viên nén bao film	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Hộp/10 vỉ x10 viên	Viên	10,000	2,150	21,500,000	Công ty TNHH dịch vụ đầu tư phát triển y tế Hà Nội	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
149	Jimenez	Tenofovir (TDF)	300 mg	VD-30341-18	Uống	Viên nén bao film	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Hộp/3 vỉ x10 viên	Viên	1,000	2,100	2,100,000	Công ty TNHH dịch vụ đầu tư phát triển y tế Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
150	Omeusa	Oxacilin	1g	VN-20402-17	Tiêm	Bột pha tiêm	SC Antibiotice SA - Rumani	SC Antibiotice SA - Rumani	Hộp 50 lọ	Lọ	5,000	72,000	360,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm 1A Việt Nam	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
151	Thalidomid	Thalidomid	50mg	VD-23930-15	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex - Việt Nam	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex - Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	70,000	52,000	3,640,000,000	Công ty TNHH dược phẩm Hà Đông	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
152	Thalidomid 100	Thalidomid	100mg	VD-27097-17	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2 - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2 - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	50,000	79,400	3,970,000,000	Công ty TNHH dược phẩm Hà Đông	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
153	Esovex - 40	Esomeprazol	40 mg	VN-19597-16	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Naprod Life Sciences Pvt.Ltd - India	Naprod Life Sciences Pvt.Ltd - India	Hộp 1 lọ kèm 1 ống dung môi.	Lọ	3,000	40,500	121,500,000	Công ty TNHH Dược Phẩm Hiệp Thuận Thành	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
154	Aleradin	Desloratadin	5mg	VN-17856-14	Uống	Viên nén bao phim	Laboratorios Lesvi, S.L - Tây Ban Nha	Laboratorios Lesvi, S.L - Tây Ban Nha	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	15,000	6,290	94,350,000	Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
155	Quinrox 400/40	Ciprofloxacin	400mg/ 40ml	VD-27088-17	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco - Việt Nam	Hộp 1 lọ 40ml.	Lọ	5,000	90,000	450,000,000	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Hải	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
156	Hepcinat-LP	Sofosbuvir + ledipasvir	90mg + 400mg	VN3-101-18	Uống	Viên nén bao phim	Natco Pharma Limited - India	Natco Pharma Limited - India	Hộp 1 lọ x 28 viên	Viên	4,000	245,000	980,000,000	Công ty TNHH Dược Phẩm Huy Cường	3	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
157	Meza-Calci D3	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 200 IU	VD-31110-18	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	30,000	798	23,940,000	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
158	Calcitriol	Calcitriol	0.25mcg	VD-30380-18	Uống	Viên nang mềm	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 30 viên	Viên	30,000	273	8,190,000	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
159	Hypevas 20	Pravastatin	20mg	VD-31108-18	Uống	Viên nén	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	1,575	7,875,000	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
160	Trimexazol	Sulfamethoxazol + trimethoprim	2,4g+ 0,48g/60ml	VD-31697-19	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Hộp 1 chai 60ml	Viên	2,000	25,410	50,820,000	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
161	Tritelets	Triflusal	300 mg	VD-26836-17	Uống	Viên nang cứng	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Hộp 6 vỉ (vỉ nhôm-PVC) x 10 viên	Viên	20,000	3,822	76,440,000	Công ty TNHH dược phẩm Tân An	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
162	Natriclorid 0,9%	Natri clorid	0,9%100ml/ chai 190ml	VD-32723-19	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	B.Braun - Việt Nam	B.Braun - Việt Nam	Kiện 40 chai	Chai	180,000	8,400	1,512,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm Trường Thành	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
163	Folinato 50mg	Calci folinat (folinic acid, leucovorin)	50mg/5ml	VN-21204-18	Tiêm	Thuốc tiêm	Laboratorios Normon S.A - Tây Ban Nha	Laboratorios Normon S.A - Tây Ban Nha	Hộp 1 lọ và 1 ống dung môi (nước pha tiêm) 5ml	Hộp	2,000	81,900	163,800,000	Công ty TNHH Dược phẩm và hóa chất Nam Linh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
164	Ribometa	Zoledronic acid	4mg/100ml	VN-22086-19	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Hikma Farmacêutica (Portugal), S.A - Bồ Đào Nha	Hikma Farmacêutica (Portugal), S.A - Bồ Đào Nha	Hộp 1 lọ	Lọ	500	745,500	372,750,000	Công ty TNHH Dược phẩm và hóa chất Nam Linh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
165	Capecitabine Tablets USP 150mg	Capecitabin	150mg	VN2-454-16	Uống	Viên nén bao phim	Dr.Reddys Laboratories Ltd. - Ấn Độ	Dr.Reddys Laboratories Ltd. - Ấn Độ	Hộp 10 viên	Viên	5,000	11,000	55,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
166	Thuốc tiêm Caspofungin Acetate 50mg	Caspofungin*	50mg	VN-21276-18	Tiêm	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Gland Pharma Limited - Ấn Độ	Gland Pharma Limited - Ấn Độ	Hộp 1 lọ	Lọ	2,000	4,480,000	8,960,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
167	Cofidec 200mg	Celecoxib	200mg	VN-16821-13	Uống	viên nang cứng	Lek Pharmaceuticals d.d, - Slovenia	Lek Pharmaceuticals d.d, - Slovenia	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	9,100	45,500,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
168	Thuốc tiêm Decitabine 50mg/lọ	Decitabin	50mg	VN3-57-18	Tiêm	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền	Dr. Reddy's Laboratories Ltd - Ấn Độ	Dr. Reddy's Laboratories Ltd - Ấn Độ	Hộp 1 lọ	Lọ	400	8,833,500	3,533,400,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
169	REDITUX	Rituximab	500mg/50ml	QLSP-862-15	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Dr.Reddy's Laboratories Ltd. - Ấn Độ	Dr.Reddy's Laboratories Ltd. - Ấn Độ	Hộp 1 lọ x 50ml	Lọ	500	10,045,000	5,022,500,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
170	REDITUX	Rituximab	100mg/10ml	QLSP-861-15	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Dr.Reddy's Laboratories Ltd. - Ấn Độ	Dr.Reddy's Laboratories Ltd. - Ấn Độ	Hộp 1 lọ x 10ml	Lọ	300	2,520,000	756,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
171	GRAFALON 20mg/ml	Anti thymocyte globulin	100mg/5ml	14484/QLD-KD	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	Neovii Biotech GmbH - Đức	Neovii Biotech GmbH - Đức	Hộp 10 lọ x 5ml	Lọ	300	15,920,000	4,776,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
172	Hydroxyurea Medac	Hydroxyurea (Hydroxycarbamid)	500mg	12312/QLD-KD	Uống	Viên nang cứng	Haupt Pharma Amareg GmbH - Đức	Haupt Pharma Amareg GmbH - Đức	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	200,000	12,000	2,400,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
173	Allmercap	Mercaptopurin	2g/ 100ml	12312/QLD-KD	Uống	Hỗn dịch uống	Nova Laboratories Limited - Anh	Nova Laboratories Limited - Anh	Hộp 1 lọ	Lọ	300	9,280,000	2,784,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
174	Vancomycin hydrochloride for infusion	Vancomycin	1g	VN-19885-16	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Xellia Pharmaceuticals ApS - Đan Mạch	Xellia Pharmaceuticals ApS - Đan Mạch	Hộp 1 lọ	Lọ	5,000	88,300	441,500,000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
175	REPLENINE-VF	Yếu tố IX	500 IU	QLSP-905-15	Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	- Nhà sản xuất thuốc bột: Bio Products Laboratory Limited - Nhà sản xuất nước cất pha tiêm: Hameln Pharmaceuticals GmbH - - Nước sản xuất thuốc bột: Anh - Nước sản xuất nước cất pha tiêm: Đức	- Nhà sản xuất thuốc bột: Bio Products Laboratory Limited - Nhà sản xuất nước cất pha tiêm: Hameln Pharmaceuticals GmbH - - Nước sản xuất thuốc bột: Anh - Nước sản xuất nước cất pha tiêm: Đức	Hộp 1 lọ bột đông khô pha tiêm + 1 lọ nước cất pha tiêm + 1 kim tiêm	Bộ	5,000	4,000,000	20,000,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
176	Dried Factor VIII Fraction, type 8Y	Yếu tố VIII + yếu tố von Willebrand	250 IU + ≥ 260 IU	QLSP-1147-19	Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Bio Products Laboratory Limited - Anh	Bio Products Laboratory Limited - Anh	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 kim tiêm đầu lọc + lọ 10ml nước cất pha tiêm	Bộ	5,000	1,980,000	9,900,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
177	Dried Factor VIII Fraction, type 8Y	Yếu tố VIII + yếu tố von Willebrand	500 IU + ≥ 520 IU	QLSP-1148-19	Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Bio Products Laboratory Limited - Anh	Bio Products Laboratory Limited - Anh	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 kim tiêm đầu lọc + lọ 20ml nước cất pha tiêm	Bộ	5,000	3,950,000	19,750,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
178	Reamberin	Meglumin natri succinat	6g/400ml	VN-19527-15	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd. - CHLB Nga	Scientific Technological Pharmaceutical Firm "Polysan", Ltd. - CHLB Nga	Hộp 1 chai 400ml	Chai	40,000	152,000	6,080,000,000	Công ty TNHH Dược Thống Nhất	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
179	Solezol	Esomeprazol	40mg	VN-21738-19	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Anfarm Hellas S.A. - Greece	Anfarm Hellas S.A. - Greece	Hộp 1 lọ	Lọ	5,000	65,800	329,000,000	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hưng Thành	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
180	Octanate 1000IU	Yếu tố VIII	1.000IU	QLSP-1097-18	Tiêm	Thuốc tiêm	Octapharma AB - Thụy Điển	Octapharma AB - Thụy Điển	Hộp 1 lọ bột đông khô	Lọ	5,000	6,960,000	34,800,000,000	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Sản xuất Thái Bình	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
181	Kalium Chloratum Biomedica	Kali clorid	500mg	VN-14110-11	Uống	Viên	Biomedica Spol.S.r.o - CH Séc	Biomedica Spol.S.r.o - CH Séc	Hộp 10 vỉ, vỉ 10 viên nén bao phim	Viên	100,000	1,500	150,000,000	Công ty TNHH EVD Dược phẩm và Y tế	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
182	Aminosteril N-Hepa Inf 8.%	Acid amin*	8%, 500ml	VN-17437-13	Truyền tĩnh mạch (IV)	Dung dịch tiêm truyền	Fresenius Kabi Austria GmbH - Áo	Fresenius Kabi Austria GmbH - Áo	Thùng 10 chai 500ml	Chai	1,000	128,000	128,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
183	DBL Cisplatin Injection 50mg/50ml	Cisplatin	50mg/50ml	VN-12311-11	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Hospira Australia Pty Ltd - Úc	Hospira Australia Pty Ltd - Úc	Hộp 1 lọ 50ml	Lọ	500	235,000	117,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
184	Jadenu 180mg	Deferasirox	180mg	VN3-171-19	Uống	Viên nén bao phim	Nhà sản xuất: Novartis Pharma Stein AG; Đóng gói: Novartis Pharma Produktions GmbH - Nhà sản xuất: Thụy Sỹ; Đóng gói: Đức	Nhà sản xuất: Novartis Pharma Stein AG; Đóng gói: Novartis Pharma Produktions GmbH - Nhà sản xuất: Thụy Sỹ; Đóng gói: Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	188,765	943,825,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
185	Jadenu 360mg	Deferasirox	360mg	VN3-172-19	Uống	Viên nén bao phim	Nhà sản xuất: Novartis Pharma Stein AG; Đóng gói: Novartis Pharma Produktions GmbH - Nhà sản xuất: Thụy Sỹ; Đóng gói: Đức	Nhà sản xuất: Novartis Pharma Stein AG; Đóng gói: Novartis Pharma Produktions GmbH - Nhà sản xuất: Thụy Sỹ; Đóng gói: Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	377,530	1,887,650,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
186	Recormon	Erythropoietin	2000IU/0,3 ml	QLSP-821-14	Tiêm	Dung dịch tiêm	Roche Diagnostics GmbH - Đức	Roche Diagnostics GmbH - Đức	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn thuốc (0,3ml) và 6 kim tiêm	Bơm tiêm	3,000	229,355	688,065,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
187	Recormon	Erythropoietin	4000IU/0,3 ml	VN-16757-13	Tiêm	Dung dịch tiêm	Roche Diagnostics GmbH - Đức	Roche Diagnostics GmbH - Đức	Hộp 6 bơm tiêm đóng sẵn 0,3ml	Bơm tiêm	3,000	436,065	1,308,195,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
188	Fludarabin "Ebewe"	Fludarabin	50mg/2ml	VN-21321-18	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm/pha dung dịch truyền	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG - Áo	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG - Áo	Hộp 1 lọ 2ml	Lọ	3,000	1,710,000	5,130,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
189	Fludarabin "Ebewe"	Fludarabin	50mg/2ml	VN-21321-18	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm/pha dung dịch truyền	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG - Áo	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG - Áo	Hộp 1 lọ 2ml	Lọ	800	1,710,000	1,368,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
190	Kiovig	Immune globulin	5g/50ml	QLSP-999-17	Tĩnh mạch	Dung dịch truyền	Baxalta Belgium Manufacturing SA - Bỉ	Baxalta Belgium Manufacturing SA - Bỉ	Hộp 1 lọ x 50ml	Lọ	1,000	6,970,000	6,970,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
191	Methotrexat "Ebewe" 500mg/5ml	Methotrexat	500mg/5ml	VN2-634-17	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG - Áo	Ebewe Pharma Ges.m.b.H.Nfg.KG - Áo	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	5,000	544,000	2,720,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
192	ACC 200 mg	N-Acetylcystein	200mg	VN-19978-16	Uống	Bột pha dung dịch uống	Lindopharm GmbH; Xuất xưởng: Slutas Pharma GmbH - Đức	Lindopharm GmbH; Xuất xưởng: Slutas Pharma GmbH - Đức	Hộp 50 gói	Gói	60,000	2,020	121,200,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
193	Coversyl plus 5/1.25 mg	Perindopril + indapamid	5 mg; 1.25mg	VN-18353-14	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie - Pháp	Les Laboratoires Servier Industrie - Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	5,000	6,500	32,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
194	Feiba 25E./ml	Phức hợp kháng yếu tố ức chế yếu tố VIII bắc cầu (Factor Eight Inhibitor Bypassing Activity - FEIBA)	500 U	QLSP-1000-17	Tĩnh mạch	Bột pha tiêm	Baxter AG - Áo	Baxter AG - Áo	Hộp 1 lọ 500 U và một lọ dung môi x 20 ml nước cất pha tiêm, 1 Baxject II Hi-Flow, 1 xylan, 1 kim tiêm, 1 kim bướm	Lọ	1,000	8,820,000	8,820,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
195	MabThera	Rituximab	1400mg/11.7ml	QLSP-H02-1072-17	Tiêm dưới da	Dung dịch tiêm dưới da	F. Hoffmann-La Roche Ltd. - Thụy Sỹ	F. Hoffmann-La Roche Ltd. - Thụy Sỹ	Hộp 1 lọ*11.7ml	Lọ	500	27,140,378	13,570,189,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
196	Volulyte 6%	Tinh bột este hóa (Hydroxyethyl starch)	6%, 500ml	VN-19956-16	Tiêm truyền	Dung dịch truyền	Fresenius Kabi Deutschland GmbH - Đức	Fresenius Kabi Deutschland GmbH - Đức	Thùng 20 túi Polyolefine (freeflex) 500ml	Túi	500	87,500	43,750,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
197	Immunine 600	Yếu tố IX	600 IU	QLSP-1062-17	Tĩnh mạch	Bột pha dung dịch tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Baxter AG - Áo	Baxter AG - Áo	Mỗi kit chứa: 1 lọ bột + 1 lọ nước cất pha tiêm 5ml + 1 kit để pha loãng và tiêm	Lọ	5,000	4,788,000	23,940,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
198	Hemofil M	Yếu tố VIII	401 - 800IU	QLSP-979-16	Tĩnh mạch	Bột đông khô pha tiêm truyền tĩnh mạch	Baxalta US Inc. - Mỹ	Baxalta US Inc. - Mỹ	Hộp 1 lọ 10 ml chứa bột đông khô và 1 lọ 10 ml nước cất pha tiêm + 1 kim chuyển + 1 kim lọc	Lọ	8,000	3,066,000	24,528,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
199	Hemofil M	Yếu tố VIII	220 - 400IU	QLSP-978-16	Tĩnh mạch	Bột đông khô pha tiêm truyền tĩnh mạch	Baxalta US Inc. - Mỹ	Baxalta US Inc. - Mỹ	Hộp 1 lọ 10 ml chứa bột đông khô và 1 lọ 10 ml nước cất pha tiêm + 1 kim chuyển + 1 kim lọc	Lọ	8,000	1,533,000	12,264,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
200	Gastropulgite	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	2,5g + 0,5g	VN-17985-14	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Hộp 30 gói	Gói	50,000	3,053	152,650,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
201	Ribomustin	Bendamustin	100mg	VN2-570-17	Tiêm	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Sản xuất: Oncotec Pharma Produktion GmbH (CS dán nhãn, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Janssen Pharmaceutica NV) - Đức (đóng gói Bỉ)	Sản xuất: Oncotec Pharma Produktion GmbH (CS dán nhãn, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Janssen Pharmaceutica NV) - Đức (đóng gói Bỉ)	Hộp 1 lọ	Lọ	1,000	7,182,000	7,182,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
202	Ribomustin	Bendamustin	25mg	VN2-569-17	Tiêm	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền tĩnh mạch	Sản xuất: Oncotec Pharma Produktion GmbH (CS dán nhãn, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Janssen Pharmaceutica NV) - Đức (đóng gói Bỉ)	Sản xuất: Oncotec Pharma Produktion GmbH (CS dán nhãn, đóng gói thứ cấp và xuất xưởng: Janssen Pharmaceutica NV) - Đức (đóng gói Bỉ)	Hộp 1 lọ	Lọ	1,000	1,795,500	1,795,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
203	Endoxan	Cyclophosphamid	50mg	6191/QLD-KD	Uống	Viên nén bao đường	Prasfarma S.L (sản xuất cho Baxter Oncology GmbH - Đức) - Tây Ban Nha	Prasfarma S.L (sản xuất cho Baxter Oncology GmbH - Đức) - Tây Ban Nha	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	50,000	3,728	186,400,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
204	Endoxan	Cyclophosphamid	200mg	VN-16581-13	Tiêm	Bột pha tiêm tĩnh mạch	Baxter Oncology GmbH - Đức	Baxter Oncology GmbH - Đức	Hộp 1 lọ Bột pha tiêm 200mg	Lọ	6,000	49,829	298,974,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
205	Smecta	Diosmectit	3g	VN-19485-15	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Hộp 30 gói (mỗi gói 3.76g)	Gói	20,000	3,475	69,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
206	Motilium-M	Domperidon	10mg	VN-14215-11	Uống	viên nén	OLIC (Thailand) Ltd. - Thái Lan	OLIC (Thailand) Ltd. - Thái Lan	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén	Viên	5,000	1,813	9,065,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
207	Gemapaxane	Enoxaparin (natri)	4000IU/0,4 ml	VN-16312-13	Tiêm	Dung dịch tiêm	Italfarmaco, S.p.A. - Ý	Italfarmaco, S.p.A. - Ý	Hộp 6 bơm tiêm	Bơm tiêm	4,000	70,000	280,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
208	Gemapaxane	Enoxaparin (natri)	6000IU/0,6 ml	VN-16313-13	Tiêm	Dung dịch tiêm	Italfarmaco, S.p.A. - Ý	Italfarmaco, S.p.A. - Ý	Hộp 6 bơm tiêm	Bơm tiêm	2,000	95,000	190,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
209	Gemapaxane	Enoxaparin (natri)	2000IU/0,2 ml	VN-16311-13	Tiêm	Dung dịch tiêm	Italfarmaco, S.p.A. - Ý	Italfarmaco, S.p.A. - Ý	Hộp 6 bơm tiêm	Bơm tiêm	1,000	60,000	60,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
210	Fluxar	Fluconazol	200mg/100 ml	VN-20856-17	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories - Indonesia	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories - Indonesia	Hộp 1 chai 100ml	Chai	2,000	138,600	277,200,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
211	Holoxan	Ifosfamid	1g	VN-9945-10	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Baxter Oncology GmbH - Đức	Baxter Oncology GmbH - Đức	Hộp 1 lọ Bột pha tiêm	Lọ	1,000	385,000	385,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
212	Orgametril	Lynestrenol	5mg	VN-21209-18	Uống	Viên nén	N.V. Organon - Hà Lan	N.V. Organon - Hà Lan	Hộp 1 vỉ x 30 viên	Viên	5,000	1,900	9,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
213	Forlax	Macrogol	10g	VN-16801-13	Uống	Bột pha dung dịch uống	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Hộp 20 gói	Gói	10,000	4,275	42,750,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
214	Fortrans	Macrogol (polyethylen glycol) + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	VN-19677-16	Uống	Bột pha dung dịch uống	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Beaufour Ipsen Industrie - Pháp	Hộp 4 gói	Gói	10,000	30,000	300,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
215	Daktarin oral gel	Miconazol	200mg/10g	VN-19677-16	Đánh tưa lưỡi	Gel rơ miệng	OLIC (Thailand) Ltd. - Thái Lan	OLIC (Thailand) Ltd. - Thái Lan	Hộp 1 tuýp 10g	Tuýp	5,000	41,500	207,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
216	Respira	Moxifloxacin	400mg	VN-21944-19	Uống	Viên nén dài bao phim	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories - Indonesia	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories - Indonesia	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	13,499	67,495,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
217	Ondanov 8mg Tablet	Ondansetron	8mg	VN-20860-17	Uống	Viên nén bao phim	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories - Indonesia	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories - Indonesia	Hộp 2 vỉ xé x 6 viên	Viên	10,000	4,999	49,990,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
218	Ondanov 4mg Tablet	Ondansetron	4mg	VN-20858-17	Uống	Viên nén bao phim	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories - Indonesia	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories - Indonesia	Hộp 2 vỉ xé x 6 viên	Viên	5,000	4,000	20,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
219	Ferlatum	Sắt protein succinylat	800mg/15ml	VN-14241-11	Uống	Dung dịch uống	Italfarmaco, S.A. (đóng gói tại: CIT s.r.l.) - Tây Ban Nha (đóng gói tại Ý)	Italfarmaco, S.A. (đóng gói tại: CIT s.r.l.) - Tây Ban Nha (đóng gói tại Ý)	Hộp 10 lọ x 15ml	Lọ	10,000	18,500	185,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
220	Andriol Testocaps	Testosteron	40mg	VN-20024-16	Uống	Viên nang mềm	Catalent France Beinheim S.A - Pháp	Catalent France Beinheim S.A - Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	10,000	7,953	79,530,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
221	Tobrin 0.3%	Tobramycin	15mg/5ml	VN-20366-17	Nhỏ mắt	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Balkanpharma Razgrad AD - Bulgaria	Balkanpharma Razgrad AD - Bulgaria	Hộp 1 lọ x 5ml	Lọ	5,000	38,717	193,585,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
222	Vesanoid	Tretinoin (All-trans retinoic acid)	10mg	VN-21185-18	Uống	Viên nang mềm	Catalent Germany Eberbach GmbH - Đức	Catalent Germany Eberbach GmbH - Đức	Hộp 1 chai 100 viên	Viên	80,000	48,538	3,883,040,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
223	NovoSeven RT 1mg	Yếu tố VIIa	1mg	QLSP-H02-982-16	Tiêm	Bột pha tiêm	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Hộp chứa 1 lọ bột để pha dung dịch tiêm + 1 bơm tiêm chứa dung môi pha tiêm + 1 pít tông và 1 thiết bị kết nối với lọ	Lọ	900	19,779,089	17,801,180,100	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
224	Cytarabine-Belmed	Cytarabin	1000mg	VN2-286-14	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm dưới da, tiêm trong tủy sống	Bột đông khô pha tiêm	Belmedpreparaty RUE - Belarus	Belmedpreparaty RUE - Belarus	Hộp 01 lọ	Lọ	15,000	318,000	4,770,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimepharco	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
225	Methotrexate-Belmed	Methotrexat	1000mg	VN3-19-18	Tiêm/truyền tĩnh mạch	Bột đông khô pha tiêm	Belmedpreparaty RUE - Belarus	Belmedpreparaty RUE - Belarus	Hộp 01 lọ	Lọ	4,000	899,000	3,596,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimepharco	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
226	Methotrexate-Belmed	Methotrexat	50mg	VN-21825-19	Tiêm bắp, tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm trong tủy sống	Thuốc tiêm đông khô	Belmedpreparaty RUE - Belarus	Belmedpreparaty RUE - Belarus	Hộp 01 lọ	Lọ	10,000	62,000	620,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimepharco	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
227	Methotrexate-Belmed	Methotrexat	50mg	VN2-344-15	Tiêm bắp, tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm trong tủy sống	Bột đông khô pha tiêm	Belmedpreparaty RUE - Belarus	Belmedpreparaty RUE - Belarus	Hộp 05 ống	Ống	10,000	55,000	550,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimepharco	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
228	Hepagold	Acid amin*	8%-250ml	VN-21298-18	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	JW Life Science Corporation - Hàn Quốc	JW Life Science Corporation - Hàn Quốc	Thùng carton chứa 10 túi x 250ml	Túi	1,500	90,000	135,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
229	Nephgold	Acid amin*	5,4% 250ml	VN-21299-18	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	JW Life Science Corporation - Hàn Quốc	JW Life Science Corporation - Hàn Quốc	Thùng carton chứa 10 túi x 250ml	Túi	1,000	95,000	95,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
230	Thymogam	Anti thymocyte globulin	250mg/5ml	23419/QLD-KD	Tiêm	Thuốc tiêm truyền tĩnh mạch	Bharat Serums And Vaccines Ltd - Ấn Độ	Bharat Serums And Vaccines Ltd - Ấn Độ	Hộp 1 lọ 5ml	Lọ	1,000	2,400,000	2,400,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
231	Colistimed	Colistin*	1M	VD-24643-16	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	Lọ	1,000	258,000	258,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
232	Comopas	Colistin*	150mg	VN-22030-19	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	ILdong Pharmaceutical Co., Ltd. - Hàn Quốc	ILdong Pharmaceutical Co., Ltd. - Hàn Quốc	Hộp 10 lọ	Lọ	2,000	885,000	1,770,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
233	Colistimed	Colistin*	0,5MIU	VD-24642-16	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	Lọ	5,000	254,000	1,270,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
234	Durogesic 50mcg/h	Fentanyl	8.4mg	VN-19681-16	Dùng ngoài	Miếng dán phóng thích qua da	Janssen Pharmaceutica N.V - Bỉ	Janssen Pharmaceutica N.V - Bỉ	Hộp 5 túi nhỏ x 1 miếng	Miếng	1,500	282,975	424,462,500	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
235	Durogesic 25mcg/h	Fentanyl	4.2mg	VN-19680-16	Dùng ngoài	Miếng dán phóng thích qua da	Janssen Pharmaceutica N.V - Bỉ	Janssen Pharmaceutica N.V - Bỉ	Hộp 5 túi nhỏ x 1 miếng	Miếng	1,500	154,350	231,525,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
236	MS-Contin 30mg	Morphin	30mg (tương đương 22,5 mg morphin)	VN-21319-18	Uống	viên nén phóng thích kéo dài	Bard Pharmaceuticals Limited - Anh	Bard Pharmaceuticals Limited - Anh	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 30 viên	Viên	1,000	22,200	22,200,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
237	MS-Contin 10mg	Morphin	10mg (tương đương 7,5 mg morphin)	VN-21318-18	Uống	viên nén phóng thích kéo dài	Bard Pharmaceuticals Limited - Anh	Bard Pharmaceuticals Limited - Anh	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 30 viên	Viên	1,000	11,000	11,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
238	OxyContin 10mg	Oxycodone	10mg	VN-21914-19	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Purdue Pharmaceuticals L.P. - Mỹ	Purdue Pharmaceuticals L.P. - Mỹ	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 14 viên	Viên	2,000	34,500	69,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
239	OxyNeo 5mg	Oxycodone	5mg (tương đương Oxycodon 4,5mg)	VN2-536-16	Uống	Viên nang cứng	Bard Pharmaceuticals Limited - Anh	Bard Pharmaceuticals Limited - Anh	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	3,000	10,400	31,200,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
240	OxyContin 20mg	Oxycodone	20mg	VN-21915-19	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Purdue Pharmaceuticals L.P. - Mỹ	Purdue Pharmaceuticals L.P. - Mỹ	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ x 14 viên	Viên	2,000	51,450	102,900,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
241	Tilatep for I.V. Injection 200mg	Teicoplanin*	200mg	VN-20631-17	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Standard Chem. & Pharm. Co,. Ltd - Đài Loan	Standard Chem. & Pharm. Co,. Ltd - Đài Loan	Hộp 1 lọ bột + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Lọ	2,000	205,000	410,000,000	Công ty TNHH Phân Phối Liên Kết Quốc Tế	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
242	Savi Deferipron 250	Deferipron	250mg	VD-25774-16	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Savi - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Savi - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	100,000	7,000	700,000,000	Công ty TNHH Thương mại Dược mỹ phẩm Nam Phương	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
243	Domide Capsules 50mg	Thalidomid	50mg	VN2-243-14	Uống	Viên nang cứng	TTY Biopharm Co., Ltd - Đài Loan	TTY Biopharm Co., Ltd - Đài Loan	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	80,000	59,200	4,736,000,000	Công ty TNHH Thương mại Dược mỹ phẩm Nam Phương	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
244	Betadine Antiseptic Solution 10%w/v	Povidon iodin	10%-125ml	VN-19506-15	Dùng ngoài	Dung dịch dùng ngoài	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd - Cyprus	Mundipharma Pharmaceuticals Ltd - Cyprus	Hộp 1 chai 125ml	Chai	5,000	42,400	212,000,000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đông Á	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
245	BASULTAM	Cefoperazon + sulbactam	1g+1g	VN-18017-14	Tiêm	Bột pha tiêm	Medochemie Ltd - Factory C - Cyprus	Medochemie Ltd - Factory C - Cyprus	Hộp 1 lọ	Lọ	5,000	184,000	920,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Quân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
246	Depaxan	Dexamethason	4mg/1ml	VN-21697-19	Tiêm	Dung dịch tiêm	S.C.Rompharm Company S.r.l - Romani	S.C.Rompharm Company S.r.l - Romani	Hộp 10 ống, 25 ống 1ml	Ống	40,000	24,000	960,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Quân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
247	Fluconazole	Fluconazol	200mg/ 100ml	VN-10859-10	Tiêm, truyền	Dung dịch tiêm truyền	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH - Đức	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH - Đức	Hộp 1 lọ hoặc 10 lọ 100ml	Lọ	1,000	230,000	230,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Quân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
248	Algesin-N	Ketorolac	30mg/ 1ml	VN-21533-18	Tiêm	Dung dịch tiêm	S.C.Rompharm Company S.r.l - Romani	S.C.Rompharm Company S.r.l - Romani	Hộp 10 ống 1ml	Ống	1,000	35,000	35,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Quân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
249	Phamzopic 7.5mg	Zopiclon	7,5mg	VN-18734-15	Uống	Viên nén	Pharmascience Inc. - Canada	Pharmascience Inc. - Canada	Chai 100 viên	Viên	5,000	2,700	13,500,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Quân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
250	Rocalcic 100	Calcitonin	100UI - 1ml	VN-20613-17	Tiêm	Dung dịch	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk - Đức	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk - Đức	Hộp 5 ống 1ml	Ống	2,000	90,000	180,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Phương Linh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
251	Rocalcic 50	Calcitonin	50UI - 1ml	VN-20345-17	Tiêm	Dung dịch	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk - Đức	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk - Đức	Hộp 5 ống 1ml	Ống	1,000	47,800	47,800,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Phương Linh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
252	ProIVIG	Immune globulin	2.5g/ 50ml	QLSP-0764-13	Truyền	Dung dịch	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd - Ấn Độ	Reliance Life Sciences Pvt.Ltd - Ấn Độ	Hộp 1 chai x 50ml	Chai	1,000	2,630,000	2,630,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Phương Linh	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
253	Ferrovin	Sắt sucrose (hay dextran)	100mg/5ml	VN-18143-14	Tiêm	Dung dịch	Rafarm S.A. - Hy Lạp	Rafarm S.A. - Hy Lạp	Hộp 1 vỉ 5 ống x 5ml	Ống	3,000	86,000	258,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Phương Linh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
254	Medphatobra 80	Tobramycin	80mg/ 2ml	VN-19091-15	Tiêm	Dung dịch	Medphano Arzneimittel Gmbh - Đức	Medphano Arzneimittel Gmbh - Đức	Hộp 10 ống x 2ml	Ống	10,000	49,500	495,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Phương Linh	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
255	Fosfomed 2g	Fosfomycin*	2g	VD-24036-15	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ, Thuốc bột pha tiêm, Tiêm	Lọ	10,000	74,500	745,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Vạn Xuân	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
256	Fosfomed 1g	Fosfomycin*	1g	VD-24035-15	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy - Việt Nam	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ, Thuốc bột pha tiêm, Tiêm	Lọ	10,000	38,450	384,500,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Vạn Xuân	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
257	Granisetron Kabi 1mg/ml	Granisetron hydroclorid	1mg/1ml	VN-21199-18	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc pha tiêm/ tiêm truyền	Labesfal-Laboratorios Almiro, SA - Portugal	Labesfal-Laboratorios Almiro, SA - Portugal	Hộp 5 ống 1ml, Dung dịch đậm đặc pha tiêm/ tiêm truyền, Tiêm truyền	Ống	5,000	44,800	224,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Vạn Xuân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
258	Dloe 8	Ondansetron	8mg	VN-17006-13	Uống	Viên nén bao phim	Laboratorios Lesvi, S.L - Spain	Laboratorios Lesvi, S.L - Spain	Hộp 6 vỉ x 5 viên, Hộp 5 vỉ x 6 viên Viên nén bao phim, Uống	Viên	5,000	24,000	120,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Vạn Xuân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
259	Piperacillin/ Tazobactam Kabi 2g/0.25g	Piperacilin + tazobactam	2g + 0.25g	VN-21200-18	Tiêm truyền	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Labesfal-Laboratorios Almiro, SA - Portugal	Labesfal-Laboratorios Almiro, SA - Portugal	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ, Bột pha dung dịch tiêm truyền	Lọ	10,000	77,000	770,000,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Vạn Xuân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
260	Drenoxol	Ambroxol	30mg/ 10mL	VN-21986-19	Uống	Siro	Laboratorios Vitoria, S.A - Bồ Đào Nha	Laboratorios Vitoria, S.A - Bồ Đào Nha	Hộp 20 ống x 10mL siro, uống	Ống	1,000	8,660	8,660,000	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
261	Ior Epocim - 2000	Erythropoietin	2000IU/ml	VN-15383-12	Tiêm	Dung dịch tiêm	Centro de Immunogia Molecular (CIM) - Cu Ba	Centro de Immunogia Molecular (CIM) - Cu Ba	Hộp 10 lọ x 1mL dung dịch tiêm	Lọ	5,000	72,240	361,200,000	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
262	Diflazon 150mg	Fluconazol	150mg	VN-16234-13	Uống	Viên nang cứng	KRKA, d.d., Novo mesto - Slovenia	KRKA, d.d., Novo mesto - Slovenia	Hộp 1 vỉ x 1 viên nang cứng, uống	Viên	60,000	24,990	1,499,400,000	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
263	Erolin	Loratadin	120mg/ 120mL	VN-20498-17	Uống	Siro	Egis Pharmaceutical Private Limited Company - Hungary	Egis Pharmaceutical Private Limited Company - Hungary	Hộp 1 lọ x 120mL siro, uống	Lọ	300	78,900	23,670,000	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
264	Mecolzine	Mesalazin (mesalamin)	500mg	22598/QLD-KD	Uống	Viên nén	Faes Farma, S.A - Tây Ban Nha	Faes Farma, S.A - Tây Ban Nha	Hộp 10 vỉ x 10 viên nén bao phim kháng dịch dạ dày, uống	Viên	5,000	9,200	46,000,000	Công ty TNHH Thương mại Nam Đồng	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
265	A.T Entecavir 1	Entecavir	1mg	QLĐB-570-16	Uống	Viên nén bao phim	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Hộp 2 vỉ, hộp 3 vỉ, hộp 5 vỉ, hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	2,000	24,150	48,300,000	Công ty TNHH thương mại Tân Á Châu	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
266	A.T Esomeprazol 20 inj	Esomeprazol	20mg	VD-26744-17	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dm. Ống dm 5ml: Natri clorid 0,9%	Lọ	3,000	15,000	45,000,000	Công ty TNHH thương mại Tân Á Châu	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
267	A.T Zinc Siro	Kẽm gluconat	10mg/5ml	VD- 25649- 16	Uống	Dung dịch uống	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống x 5ml	Ống	10,000	2,016	20,160,000	Công ty TNHH thương mại Tân Á Châu	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
268	Atitrime	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	50mg + 10,87mg + 5mg/10ml	VD- 27800- 17	Uống	Dung dịch uống	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Hộp 20 ống, hộp 30 ống, hộp 50 ống x 10ml	Ống	3,000	3,800	11,400,000	Công ty TNHH thương mại Tân Á Châu	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
269	Antifix	Sắt sucrose (hay dextran)	100mg/5ml	VD- 27794- 17	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền tĩnh mạch	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Hộp 5 ống, hộp 10 ống, hộp 20 ống x 5ml	Ống	3,000	55,860	167,580,000	Công ty TNHH thương mại Tân Á Châu	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
270	A.T Sucralfate	Sucralfat	1g/ Gói 5g	VD- 25636- 16	Uống	Hỗn dịch uống	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Công ty CPDP An Thiên - Việt Nam	Hộp 20 gói, hộp 50 gói x 5g	Gói	10,000	2,100	21,000,000	Công ty TNHH thương mại Tân Á Châu	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
271	Doalgis	Betamethasone + dexchlorpheniramin	(3+24)mg/60ml	VD-18953 -13	Đường uống	Siro	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây - Việt Nam	Hộp 1 lọ * 60ml	Lọ	1,000	27,000	27,000,000	Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Hà Minh	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
272	Amikacin 125mg/ml	Amikacin	250mg/2ml	VN-17406-13	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm truyền	Sopharma AD - Bulgaria	Sopharma AD - Bulgaria	Hộp 10 ống 2ml	Ống	10,000	26,200	262,000,000	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Gia Minh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
273	Pfertzel	Acetylsalicylic acid+ clopidogrel	75mg + 75mg	VD-20526-14	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5,000	4,000	20,000,000	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Gia Minh	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
274	Trinitrina	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	5mg/1,5ml	VN-21228-18	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để tiêm truyền	Fisiopharma SRL - Italy - Italy	Fisiopharma SRL - Italy - Italy	Hộp 10 ống x 1.5ml	Ống	5,000	42,800	214,000,000	Công ty trách nhiệm hữu hạn dược phẩm Gia Minh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
275	Gonzalez-250	Deferasirox	250 mg	VD-28910-18	Uống	Viên nén phân tán trong nước	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	60,000	18,600	1,116,000,000	Liên danh Công ty Inter - Santer	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
276	Gonzalez-250	Deferasirox	250 mg	VD-28910-18	Uống	Viên nén phân tán trong nước	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú - Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Viên	60,000	18,600	1,116,000,000	Liên danh Công ty Inter - Santer	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
277	Poltrapa	Paracetamol + tramadol	325mg+ 37,5mg	VN-19318-15	Uống	Viên nén bao phim	Polfarmex S.A - Poland	Polfarmex S.A - Poland	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	100,000	7,300	730,000,000	Liên danh Công ty Inter - Santer	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
278	Calci clorid 500mg/ 5ml	Calci clorid	500mg/ 5ml	VD-22935-15	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Hộp 50 ống x 5ml	Ống	4,000	917	3,668,000	Liên danh thầu Công ty cổ phần thương mại Minh Dân - Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
279	Dexamethason	Dexamethason	4mg/ 1ml	VD-25716-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Hộp 10 ống 1ml	Ống	150,000	788	118,200,000	Liên danh thầu Công ty cổ phần thương mại Minh Dân - Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
280	Cotrimoxazol 480mg	Sulfamethoxazol + trimethoprim	400mg + 80mg	VD-24799-16	Uống	Viên nén	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 20 viên	Viên	20,000	209	4,180,000	Liên danh thầu Công ty cổ phần thương mại Minh Dân - Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
281	Vitamin B12 1mg/ml	Vitamin B12 (cyanocobalamin, hydroxocobalamin)	1mg/ml	VD-23606-15	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam	Hộp 100 ống x 1ml	Ống	5,000	480	2,400,000	Liên danh thầu Công ty cổ phần thương mại Minh Dân - Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
282	Solacy Adulte	L-Cystin+Lưu huỳnh kết tủa+Retino+Nấm men Saccharomyces Cerevisiae	72,6mg + 22mg + 1650 IU + 77,4mg	VN-20507-17	Uống	Viên nang cứng	Laboratoires Grimberg S.A - France	Laboratoires Grimberg S.A - France	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 15 viên	Viên	1,000	7,000	7,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
283	Moxydar	Nhôm oxid Hydrat hóa; Magnesium Hydroxyd; Nhôm Phospht hóa; Gôm Guar	500mg+ 500mg+ 300mg+ 200mg	VN-17950-14	Uống	Viên nén	Laboratoires Grimberg S.A - France	Laboratoires Grimberg S.A - France	Hộp 5 vỉ x 6 viên	Viên	1,000	8,000	8,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
284	Auricularum	Oxytetracyclin HCl; Polymyxin B Sulphat ; Nystatin; Dexmethason natri phosphat	100mg + 12,3mg + 1MIU + 10mg	VN-18305-14	Nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai	Laboratoires Grimberg - France	Laboratoires Grimberg - France	Hộp 1 lọ bột + 1 dung môi 10ml	Lọ	100	350,000	35,000,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
285	Razugrel 10	Prasugrel	10mg	QLĐB-564-16	Uống	Viên nén bao phim	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 - Việt Nam	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2 - Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Viên	1,000	14,800	14,800,000	Công ty cổ phần dược phẩm Quốc Tế - Winsacom	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
286	Nutriflex Peri	Acid amin + Glucose	40g+80g/1000ml	VN-18157-14	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	B.Braun Medical AG - Thụy Sỹ	B.Braun Medical AG - Thụy Sỹ	Hộp 5 túi	túi	1,500	404,618	606,927,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
287	Foscavir	Foscarnet	6g/250ml	14626/QLD-KD	Tiêm truyền	Dung dịch tiêm	Fresenius Kabi Austria GmbH - Áo	Fresenius Kabi Austria GmbH - Áo	Hộp 1 lọ 250ml	Lọ	500	11,390,000	5,695,000,000	Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
288	Beres drops	Mỗi 1ml (18 giọt) chứa: sắt (dưới dạng sắt sulphat heptahydrat); Kẽm; Magnesi; Mangan; Đồng; Molybden; Vanadi; Niken; Bo; Flo; Coban;	(2,009mg + 1,137mg + 0,4044mg + 0,3055mg + 0,3055mg + 0,2545mg + 0,1902mg + 0,1219mg + 0,1087mg + 0, 1049mg + 0,0904mg + 0,0248mg)/1 ml - Hộp 30ml	5042/QLD-KD	Uống	Dung dịch uống	Béres pharmaceuticals Ltd - Hungary	Béres pharmaceuticals Ltd - Hungary	Hộp 1 lọ 30ml	Lọ	1,000	236,800	236,800,000	Công ty cổ phần Holipharm	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
289	Ferricure 100mg/5ml	Sắt (dưới dạng Polysaccharid iron complex)	1,2g/60ml	VN-20682-17	Uống	Dung dịch uống	Laboratoires Pharmaceutiques Trenker SA - Bi	Laboratoires Pharmaceutiques Trenker SA - Bi	Hộp 1 lọ 60ml	Lọ	500	335,900	167,950,000	Công ty cổ phần Holipharm	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
290	Pricefil	Cefprozil	1,5g/30ml	VN-18238-14	Uống	Bột pha hỗn dịch	Vianex S.A - Nhà máy D - Hy Lạp	Vianex S.A - Nhà máy D - Hy Lạp	Hộp 1 chai 30ml	Chai	200	178,500	35,700,000	Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
291	Pricefil	Cefprozil	500mg	VN-18859-15	Uống	Viên nén bao phim	Vianex S.A - Nhà máy D - Hy Lạp	Vianex S.A - Nhà máy D - Hy Lạp	Hộp 1 vỉ x 12 viên	Viên	500	34,500	17,250,000	Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
292	Winduza	Azacitidin	100mg	VN3-123-19	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Dr.Reddy's Laboratories Ltd. - Ấn Độ	Dr.Reddy's Laboratories Ltd. - Ấn Độ	Hộp 1 lọ	Lọ	500	8,064,000	4,032,000,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
293	Adcetris	Brentuximab Vedotin	50 mg	QLSP-H03-1136-18	Tiêm truyền tĩnh mạch	Bột pha dung dịch tiêm truyền	BSP Pharmaceuticals S.p.A - Ý	BSP Pharmaceuticals S.p.A - Ý	Hộp chứa 1 lọ thuốc	Lọ	360	63,214,433	22,757,195,880	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
294	Keytruda	Pembrolizumab	100 mg/4 ml	QLSP-H02-1073-17	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow); đóng gói: Schering-Plough Labo NV - CSSX: Ireland, đóng gói:Bi	MSD International GmbH T/A MSD Ireland (Carlow); đóng gói: Schering-Plough Labo NV - CSSX: Ireland, đóng gói:Bi	Hộp 1 Lọ x 4ml	Lọ	300	61,640,000	18,492,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
295	Gaviscon Dual Action	Alginate natri+Natri bicarbonate+Calcicarbonat	(500mg+213 mg+325mg)/ 10ml	VN-18654-15	Uống	Hỗn dịch uống	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited - Anh	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited - Anh	Hộp 24 gói x 10ml	Gói	3,000	6,951	20,853,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
296	Imbruvica	Ibrutinib	140mg	VN3-44-18	Uống	Viên nang cứng	Catalent CTS, LLC (Cơ sở dán nhãn và đóng gói: AndersonBrecon Inc.) - Mỹ	Catalent CTS, LLC (Cơ sở dán nhãn và đóng gói: AndersonBrecon Inc.) - Mỹ	Hộp 1 lọ 90 viên	Viên	3,000	1,613,500	4,840,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
297	Gaviscon	Natri alginate , Natri bicarbonate , Calci carbonate	(500mg+ 267mg+160 mg)/ 10ml	VN-13849-11	Uống	Hỗn dịch uống	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited - Anh	Reckitt Benckiser Healthcare (UK) Limited - Anh	Hộp 24 gói x 10ml	Gói	3,000	4,692	14,076,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
	Ferlatum Fol	Sắt Protein succinylat +Acid Folinic	800mg + 0,185mg	VN-16315-13	Uống	Dung dịch uống	Italfarmaco, S.A. (cơ sở sản xuất nắp vặn chứa thuốc: ABC Farmaceutici S.p.A.) - Tây Ban Nha (cơ sở sản xuất nắp vặn chứa thuốc: Ý)	Italfarmaco, S.A. (cơ sở sản xuất nắp vặn chứa thuốc: ABC Farmaceutici S.p.A.) - Tây Ban Nha (cơ sở sản xuất nắp vặn chứa thuốc: Ý)	Hộp 10 lọ đơn liều với nắp vặn chứa thuốc	Lọ	5,000	26,400	132,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
	Cernevit	Vitamin A + Vitamin D3 + Vitamin E + Vitamin C + Vitamin B1 +Vitamin B 2 + Vitamin B6 + Vitamin B12 + Folic Acid + + Vitamin B5 + vitamin B8 + Vitamin PP	3500 IU + 220 IU + 11,20 IU + 125mg + 3,51mg + 4,14mg + 4,53 mg + 0,006mg +0,414mg + 17,25mg + 0,069 mg+ 46mg	VN-16135-13	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất), Baxter SA (Xuất xưởng) - Pháp (Xuất xưởng: Bi)	Pierre Fabre Medicament Production (Cơ sở sản xuất), Baxter SA (Xuất xưởng) - Pháp (Xuất xưởng: Bi)	Hộp 10 lọ	Lọ	1,000	131,999	131,999,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
	Supodatin	Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 50 mcg; Sắt (dưới dạng sắt sulfat) 15mg; Calci glycerophosphat 12,5mg; Magnesi gluconat 4mg; Lysin HCl 12,5mg; Vitamin A (Retinol palmitat) 2500 IU; Vitamin D3(Cholecalciferol) 200 IU, Vitamin B1 (Thiamin nitrat) 10mg, Vitamin B2 (Riboflavin sodium phosphat) 1.25mg; Vitamin B3 (Niacinamid) 12.5 mg; Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) 5mg	50 mcg + 15mg + 12.5mg + 4mg + 12.5mg + 2500 IU + 200 IU + 10mg + 1.25mg+ 12.5mg + 5mg	VD-24841-16	Uống	Dung dịch uống	Công ty cổ phần Dược Phẩm Phương Đông - Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Phẩm Phương Đông - Việt Nam	Hộp 30 ống 5ml	Ống	50,000	5,950	297,500,000	Công ty TNHH Thương mại Dược mỹ phẩm Nam Phương	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
298	Pharbaren 250mg	Cefprozil	250mg	VD-33600-19	Uống	Viên nén bao phim	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco - Việt Nam	Công ty Cổ phần Dược phẩm trung ương I - Pharbaco - Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 viên (Alu-Alu)	Viên	500	16,900	8,450,000	Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm hacinco Việt Nam	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
299	Disomic	Dexketoprofen	50mg/ 2ml	VN-21526-18	Tiêm	Dung dịch tiêm/ Dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	S.C.Rompharm Company S.r.l - Romani	S.C.Rompharm Company S.r.l - Romani	hộp 10 ống x 2ml	Ống	1,000	19,900	19,900,000	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Minh Quân	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
300	Zolex 4mg	Zoledronic acid	4mg/5ml	VN-18478-14			USV Private Limited	India	Hộp 1 lọ 5ml. Dung dịch đậm đặc để pha truyền, Tiêm	Lọ	1,000	515,000	515,000,000	Công ty Cổ phần VILOGI	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
II. Quyết định số: QĐ 33/QĐ-HHTM, ngày ký 07/01/2020 , hiệu lực đến ngày 15/01/2021, tổng giá trị gói thầu 180.770.614.500 đ (Hình thức đấu thầu rộng rãi)																12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
1	Fosmicin for I.V.Use	Fosfomycin (natri)	1g	VN-13784-11	Tiêm	Thuốc tiêm	Meiji Seika Pharma Co., Ltd - Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp 10 lọ	lọ	10000	101000	1,010,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
2	Fosmicin for I.V.Use	Fosfomycin (natri)	2g	VN-13785-11	Tiêm	Thuốc tiêm	Meiji Seika Pharma Co., Ltd - Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp 10 lọ	lọ	10000	186000	1,860,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
3	Fosmicin tablets	Fosfomycin (natri)	500mg	VN-15983-12	Uống	Viên	Meiji Seika Pharma Co., Ltd - Nhật Bản	Nhật Bản	Hộp 2 vỉ x 10 viên nén	viên	10000	19000	190,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiên Thảo	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
4	No-Spa forte	Drotaverin hydroclorid	80 mg	VN-18876-15	Uống	Viên nén	Chinoin Pharmaceutical & Chemical Works Private Co. Ltd. - Hungary	Hungary	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	5000	1158	5,790,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
5	Targosid	Teicoplanin*	400mg	VN-19906-16	Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Sanofi S.p.A - Ý	Ý	Hộp 1 lọ bột đông khô + 1 ống nước cất pha tiêm 3ml	Lọ	2000	430000	860,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
6	Xenetix 300	Iobitridol	15g/50ml	VN-16786-13	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Guerbet - Pháp	Pháp	Hộp 25 lọ 50ml	Lọ	1000	275000	275,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
7	Xenetix 300	Iobitridol	30g/100ml	VN-16787-13	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Guerbet - Pháp	Pháp	Hộp 10 lọ 100ml	Lọ	2000	485000	970,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
8	Lipidem	Nhũ dịch lipid	20%-250ml	VN-20656-17	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	B.Braun Melsungen AG - Đức	Đức	Hộp 10 chai	Chai	1000	228795	228,795,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
9	Grandaxin	Tofisopam	50mg	VN-15893-12	Uống	Viên	Egis Pharmaceuticals Private Limited company - Hungary	Hungary	Hộp 2 vỉ x 10 viên nén	Viên	10000	8000	80,000,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
10	Iopamiro	Iopamidol	15g/50ml	VN-18199-14	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Patheon Italia S.p.A - Italy	Italy	Hộp 1 chai 50ml	Chai	1000	252000	252,000,000	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
11	Iopamiro	Iopamidol	30g/100ml	VN-18197-14	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Patheon Italia S.p.A - Italy	Italy	Hộp 1 chai 100ml	Chai	1000	462000	462,000,000	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Y tế thành phố Hồ Chí Minh	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
12	Aloxi	Palonosetron	0,25mg/5ml	VN-13469-11	Tiêm	Dung dịch tiêm	Helsinn Birex Pharmaceuticals Ltd - Ireland	Ireland	Hộp 1 lọ	Lọ	500	1666500	833,250,000	Công ty TNHH Dược phẩm Việt-Pháp	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
13	Unasyn	Ampicilin + sulbactam	1g + 0,5g	VN-20843-17	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột pha tiêm, truyền, không kèm dung môi	Haupt Pharma Latina S.r.l - Ý	Ý	Hộp 1 lọ	Lọ	1000	66000	66,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
14	Pulmicort Respules	Budesonid	500mcg/2ml	VN-19559-16	Hít	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	AstraZeneca AB - Thụy Điển	Thụy Điển	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Ống	600	13834	8,300,400	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
15	Cancidas	Caspofungin*	50mg	VN-20811-17	truyền tĩnh mạch	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Laboratoires Merck Sharp & Dohme Chibret - Pháp	Pháp	Hộp 1 lọ	Lọ	1700	6531000	11,102,700,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
16	Cancidas	Caspofungin*	70mg	VN-20568-17	tiêm truyền tĩnh mạch	Bột pha dung dịch tiêm truyền	Laboratoires Merck Sharp & Dohme - Chibret - Pháp	Pháp	Hộp 1 lọ	Lọ	300	8288700	2,486,610,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
17	Zinnat Suspension	Cefuroxim	125mg	VN-20513-17	Uống	Cốm pha hỗn dịch uống	Glaxo Operations UK Limited - Anh	Anh	Hộp 10 gói x 4, 220g	Gói	1000	15022	15,022,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
18	Zinnat Suspension	Cefuroxim	1250mg/50 ml	VN-9663-10	Uống	Cốm pha huyền dịch uống	Glaxo Operations UK Ltd - Anh	Anh	Hộp 1 chai	Chai	500	121617	60,808,500	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
19	Sandimmun Neoral 100mg	Ciclosporin	100mg	VN-21091-18	Uống	Viên nang mềm	Nhà sản xuất: Catalent Germany Eberbach GmbH; Đóng gói & xuất xưởng: Novartis Pharma Stein AG - CSSX: Đức, Đóng gói và xuất xưởng: Thụy Sỹ	Germany	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Viên	200000	67294	13,458,800,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
20	Sandimmun Neoral 25mg	Ciclosporin	25mg	VN-21154-18	Uống	Viên nang mềm	Nhà sản xuất: Catalent Germany Eberbach GmbH; Đóng gói & xuất xưởng: Novartis Pharma Stein AG - CSSX: Đức, Đóng gói và xuất xưởng: Thụy Sỹ	Germany	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Viên	200000	16938	3,387,600,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
21	Sandimmun Inf 50mg/ml	Ciclosporin	50mg/ml	VN-15102-12	Tiêm	Dung dịch đậm đặc để pha truyền tĩnh mạch	Novartis Pharma Stein AG - Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	Hộp 10 lọ x 1ml	Lọ	10000	63328	633,280,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
22	Sandimmun Neoral	Ciclosporin	5g/50ml	VN-18753-15	Uống	Dung dịch uống	Delpharm Huningue S.A.S - Pháp	Pháp	Hộp 1 chai thủy tinh 50ml	Chai	500	3364702	1,682,351,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
23	Exjade 125	Deferasirox	125mg	VN-17124-13	Uống	Viên nén phân tán	Novartis Pharma Stein AG - Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	60000	96297	5,777,820,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
24	Exjade 250	Deferasirox	250mg	VN-17125-13	Uống	Viên nén phân tán	Novartis Pharma Stein AG - Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	40000	192595	7,703,800,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
25	Voltaren	Diclofenac	100mg	VN-16847-13	Đặt hậu môn	Viên đạn	Delpharm Huningue S.A.S - Pháp	Pháp	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Viên	5000	15602	78,010,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
26	Revolade 25mg	Eltrombopag	25mg	VN2-526-16	Uống	Viên nén bao phim	Cơ sở sản xuất: Glaxo Operations UK Ltd.; Cơ sở đóng gói: Glaxo Wellcome, S.A. - CSSX: Anh; CSĐG: Tây Ban Nha	Glaxo Operations UK Ltd.	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Viên	25000	388781	9,719,525,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
27	Invanz	Ertapenem*	1g	VN-20315-17	Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	thuốc bột pha tiêm truyền tĩnh mạch hoặc tiêm bắp	Laboratoires Merck Sharp & Dohme - Chibret - Pháp	Pháp	Hộp 1 lọ 15ml hoặc 20ml chứa 1g bột	Lọ	1000	552421	552,421,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
28	Nexium Mups	Esomeprazol	20mg	VN-19783-16	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	AstraZeneca AB - Thụy Điển	Thụy Điển	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	5000	22456	112,280,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
29	Nexium Inj	Esomeprazol	40mg	VN-15719-12	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Bột pha dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	AstraZeneca AB - Thụy Điển	Thụy Điển	Hộp 1 lọ bột pha tiêm 5ml	Lọ	5000	153560	767,800,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
30	Nexium Mups	Esomeprazol	40mg	VN-19782-16	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	AstraZeneca AB - Thụy Điển	Thụy Điển	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Viên	7000	22456	157,192,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
31	Nexium	Esomeprazol	10mg	VN-17834-14	Uống	Cốm kháng dịch dạ dày để pha hỗn dịch uống	AstraZeneca AB - Thụy Điển	Thụy Điển	Hộp 28 gói	Gói	5000	22456	112,280,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
32	Diflucan	Fluconazole	150mg	VN-14768-12	Uống	Viên nang	Fareva Amboise - Pháp	Pháp	Hộp 1 vỉ x 1 viên nang	Viên	15000	160600	2,409,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
33	Diflucan IV	Fluconazole	200mg/100 ml	VN-20842-17	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Fareva Amboise - Pháp	Pháp	Hộp 1 lọ 100ml	Lọ	2000	787500	1,575,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
34	Neurontin	Gabapentin	300mg	VN-16857-13	Uống	Viên nang cứng	Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH - CSSX: Mỹ, Đóng gói: Đức	Mỹ	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	5000	11316	56,580,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
35	Natrilix SR	Indapamide	1,5mg	VN-16509-13	Đường uống	viên bao phim phóng thích chậm	Les Laboratoires Servier Industrie - Pháp	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	5000	3265	16,325,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
36	Omnipaque Inj	Iohexol	15g/50ml	VN-10687-10	Tiêm (tĩnh mạch/ động mạch/ nội tủy mạc/ các khoang của cơ thể)	uống, Dung dịch tiêm	GE Healthcare Ireland - Ireland	Ireland	Hộp 10 chai 50ml	Chai	3000	245690	737,070,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
37	Omnipaque	Iohexol	30g/100ml	VN-20357-17	Tiêm (tĩnh mạch/ động mạch/ nội tủy mạc/ các khoang của cơ thể)	uống, Dung dịch tiêm	GE Healthcare Ireland - Ireland	Ireland	Hộp 10 chai 100ml	Chai	2000	446710	893,420,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
38	Zeffix	Lamivudin	100mg	VN-17443-13; VN3-31-18	Uống	Viên nén bao phim	Visa mới VN3-31-18: GlaxoSmithKline Pharmaceuticals SA; Visa cũ VN-17443-13: Glaxo Operations UK Ltd; Cơ sở đóng gói: GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd - Visa mới VN3-31-18: Ba Lan ; Visa cũ VN-17443-13: Anh, đóng gói Úc	Glaxo Operations UK Ltd	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Viên	5000	29568	147,840,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
39	Emla	Lidocain + prilocain	(125mg; 125mg)/5g	VN-19787-16	Bôi ngoài da	Kem bôi	Recipharm Karlskoga AB - Thụy Điển	Thụy Điển	Hộp 5 tuýp 5g	Tuýp	5000	37120	185,600,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
40	Zyvox	Linezolid*	600mg/300 ml	VN-19301-15	Truyền tĩnh mạch	Dung dịch truyền	Fresenius Kabi Norge AS - Na Uy	Na Uy	Hộp 10 túi dịch truyền 300ml	Túi	2000	957002	1,914,004,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
41	Solu - Medrol	Methyl prednisolon	40mg	VN-20330-17	Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột đông khô pha tiêm	Pfizer Manufacturing Belgium NV - Bỉ	Bỉ	Hộp 1 lọ Act-O-Vial 1ml	Lọ	60000	36410	2,184,600,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
42	Avelox	Moxifloxacin*	400mg/250 ml	VN-18602-15	Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Dung dịch truyền	Bayer Pharma AG - Đức	Đức	Hộp 1 chai 250ml	Chai	5000	367500	1,837,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
43	Avelox	Moxifloxacin	400mg	VN-19011-15	Uống	Viên nén bao phim	Bayer Pharma AG - Đức	Đức	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Viên	5000	52500	262,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
44	Tasigna	Nilotinib	200mg	VN-17539-13	Uống	Viên nang cứng	Novartis Pharma Stein AG - Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	Hộp 7 vỉ x 4 viên	Viên	100000	707435	70,743,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
45	Coversyl 5mg	Perindopril	5 mg	VN-17087-13	Uống	Viên nén bao phim	Les Laboratoires Servier Industrie - Pháp	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	Viên	15000	5650	84,750,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
46	Tazocin	Piperacilin + tazobactam*	4g, 0.5g	VN-20594-17	Tiêm tĩnh mạch (IV)	Bột đông khô pha tiêm	Wyeth Lederle S.R.L - Ý	Ý	Hộp 1 lọ	Lọ	10000	223700	2,237,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
47	Noxafil	Posaconazol*	4,2g/105ml	VN2-368-15	Uống	Hỗn dịch uống	Patheon Whitby Inc.; Cơ sở đóng gói: Cenexi HSC - CSSX: Canada; đóng gói: Pháp	Canada	Hộp 1 chai 105 ml	Chai	1000	9500000	9,500,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
48	Lyrica	Pregabalin	75mg	VN-16347-13	Uống	Viên nang cứng	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH - Đức	Đức	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Viên	5000	17685	88,425,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
49	Mabthera	Rituximab	100mg/ 10ml	QLSP-0756-13	Tiêm truyền	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền	Roche Diagnostics GmbH; CSĐG: F.Hoffmann-La Roche Ltd. - CSSX: Đức; đóng gói: Thụy Sỹ	Đức	Hộp chứa 02 lọ x 100mg/ 10ml	Lọ	500	7970812	3,985,406,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
50	Jakavi	Ruxolitinib (dưới dạng Ruxolitinib phosphat)	15mg	VN2-571-17	Uống	Viên nén	Novartis Pharma Stein AG - Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Viên	500	1116510	558,255,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
51	Jakavi	Ruxolitinib (dưới dạng Ruxolitinib phosphat)	20mg	VN2-572-17	Uống	Viên nén	Novartis Pharma Stein AG - Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Viên	500	1116510	558,255,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
52	Ventolin Nebules	Salbutamol sulphate	5mg/2.5ml	VN-13707-11	Dùng cho máy khí dung	Dung dịch khí dung	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd - Úc	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	Ống	5000	8513	42,565,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
53	Ventolin Nebules	Salbutamol (sulfat)	2.5mg/ 2.5ml	VN-20765-17	Dùng cho máy khí dung	Dung dịch khí dung	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd. - Úc	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	Ống	5000	4575	22,875,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
54	Ventolin Inhaler	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	VN-18791-15	Xịt qua đường miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Glaxo Wellcome SA; Cơ sở đóng gói thứ cấp, xuất xưởng: GlaxoSmithKline Australia Pty. Ltd, - CSSX: Tây Ban Nha, đóng gói: Úc	Tây Ban Nha	Hộp 1 bình xịt 200 liều	Bình xịt	200	76379	15,275,800	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
55	Tygacil	Tigecyclin*	50mg	VN-20333-17	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Wyeth Lederle S.r.l - Ý	Ý	Hộp 10 lọ	Lọ	1000	731000	731,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
56	Debridat	Trimebutine maleate	100mg	VN-13803-11	Uống	Viên nén bao phim	Farmea - Pháp	Pháp	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Viên	5000	2906	14,530,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
57	Vastarel MR	Trimetazidin	35mg	VN-17735-14	Uống	viên nén bao phim giải phóng có biến đổi	Les Laboratoires Servier Industrie - Pháp	Pháp	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Viên	5000	2705	13,525,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
58	Valcyte	Valganciclovir*	450mg	VN-18533-14	Uống	Viên nén bao phim	Patheon Inc. - Canada	Canada	Hộp 1 lọ 60 viên nén bao phim	Viên	2000	612264	1,224,528,000	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
59	Zometa	Zoledronic acid	4mg/100ml	VN-17540-13	Tiêm	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Novartis Pharma Stein AG - Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	Hộp 1 chai 100ml	Chai	700	6465882	4,526,117,400	Công ty TNHH Một thành viên Dược liệu TW2	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
60	Mucosolvan	Ambroxol	30mg	VN-16588-13	Uống	Viên nén	Delpharm Reims - Pháp	Pháp	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	5000	2500	12,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
61	Rhinocort Aqua	Budesonid	64mcg/ liều	VN-19560-16	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Astrazeneca AB - Thụy Điển	Thụy Điển	Hộp 1 chai xịt mũi 120 liều	Chai	200	203522	40,704,400	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
62	Aerius	Desloratadine	30mg/60ml	VN-14268-11	Uống	Siro	Schering - Plough Labo N.V. - Bỉ	Bỉ	Hộp 1 chai 60ml	Chai	5000	78900	394,500,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
63	Baraclude	Entecavir	0,5mg	VN3-29-18	Uống	Viên nén bao phim	AstraZeneca Pharmaceuticals LP - Mỹ	Mỹ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	1000	79895	79,895,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
64	Eprex 4000 U	Epoetin alfa	4000 IU/ 0,4 ml	QLSP-975-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	CiLag AG - Thụy Sỹ	Thụy Sỹ	Hộp 6 ống tiêm chứa sẵn thuốc kèm kim tiêm an toàn	Ống	3000	539999	1,619,997,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
65	Remicade	Infliximab	100mg	QLSP-970-16	Tiêm	Bột pha dung dịch đậm đặc để pha dung dịch truyền	Cilag AG (Cơ sở xuất xưởng: Janssen Biologics B.V.) - Thụy Sỹ (xuất xưởng: Hà Lan)	Thụy Sỹ	Hộp 1 lọ x100mg	Lọ	100	11818800	1,181,880,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
66	Novorapid FlexPen	Insulin tác dụng nhanh, ngắn (Fast-acting, Short-acting)	300U/3ml	QLSP-963-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S - Pháp	Pháp	Hộp 5 bút tiêm chứa sẵn thuốc x 3ml	Bút tiêm	200	225000	45,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
67	NovoMix® 30 FlexPen	Insulin tác dụng chậm, kéo dài (Slow-acting, Long-acting)	300U/3ml	QLSP-0793-14	Tiêm	Hỗn dịch tiêm	Novo Nordisk A/S - Đan Mạch	Đan Mạch	Hộp chứa 5 bút tiêm x 3ml	Bút tiêm	200	227850	45,570,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
68	Sporanox IV	Itraconazole	250mg/25ml	VN-18913-15	Tiêm	Dung dịch đậm đặc pha dịch truyền	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA (CSSX, XX túi dung môi: Laboratoire Renaudin; CSĐG thứ cấp và XX bộ kít: Lusomedicamenta Sociedade Tecnica Farmaceutica, S.A.) - Ý (CSSX, XX túi dung môi: Pháp; CSĐG thứ cấp và XX bộ kít: Bồ Đào Nha)	GlaxoSmithKline Manufacturing SpA	Bộ kít: 1 hộp 1 ống 25ml + 1 túi dung môi NaCl 0,9% + 1 dây nối có khóa van hai chiều	Bộ kít	1000	2310000	2,310,000,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
69	Perfalgan	Paracetamol	10mg/ml (100ml)	VN-19071-15	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Bristol-Myers Squibb S.r.l - Ý	Ý	Gói 12 lọ x 100ml	Lọ	30000	47730	1,431,900,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
70	Navelbine 30mg	Vinorelbin	30mg	VN-15589-12	Uống	Viên nang mềm	Pierre Fabre Medicament production - Pháp	Pháp	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Viên	1000	2133787	2,133,787,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	BDG	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
III. Quyết định số: QĐ 34/QĐ-HHTM, ngày ký 07/01/2020 , hiệu lực đến ngày 15/01/2021, tổng giá trị gói thầu 463.380.000 đ (Hình thức đấu thầu rộng rãi)																12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
1	A.T Antihepatic	Actiso	5g/10ml	VD-30304-18	Uống	Dung dịch thuốc uống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 30 gói x 10ml	Gói	30,000	4,000	120,000,000	Liên Danh Công ty Cổ phần Dược Medi Miền Bắc - Mediplantex	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
2	Mediphylamin	Bột chiết bèo hoa dâu	3g/100ml	VD-24353-16	Uống	Siro	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 chai 100ml siro	Chai	1,000	58,380	58,380,000	Liên Danh Công ty Cổ phần Dược Medi Miền Bắc - Mediplantex	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần dược liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên nhà sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Nhà thầu trúng thầu	Nhóm thuốc	Thời gian thực hiện
3	Mediphylamin	Bột chiết bèo hoa dâu	250mg	VD-24351-16	Uống	Viên nang	Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex - Việt Nam	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	150,000	1,900	285,000,000	Liên Danh Công ty Cổ phần Dược Medi Miền Bắc - Mediplantex	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
IV. Quyết định số: QĐ 223/QĐ-HHTM, ngày ký 12/02/2020 , hiệu lực đến ngày 15/01/2021, tổng giá trị gói thầu 1.172.243.500 đ (Hình thức đấu thầu rộng rãi)																12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
1	Adrenaline-BFS 1mg	Adrenalin	1mg/1ml	VD-21546-14	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	Ống	3,000	1,743	5,229,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
2	Calci Folinat 5ml	Calci folinat	50mg/5ml	VD-29225-18	tiêm	Thuốc tiêm	Vinphaco	Việt nam	Hộp 2 vỉ x 5 ống	ống	2,000	26,250	52,500,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
3	Vinluta	Glutathion	600mg	VD-19988-13 CVGH số: 18427/QLD-ĐK ngày 28/10/2019	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Vinphaco	Việt nam	Hộp 10 lọ	lọ	10,000	32,928	329,280,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
4	Choongwae Tobramycin sulfate injection	Tobramycin	80mg/100ml	VN-19685-16	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	JW Pharmaceutical Corporation	Korea	Thùng 20 chai nhựa 100ml	Chai	10,000	65,000	650,000,000	Công ty cổ phần thương mại và dược phẩm Ngọc Thiện	2	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
5	CYCRAM	Cyclophosphamid	1g	Visa: VN2-331-15	Tiêm	Bột pha tiêm	Korea United Pharm.Inc	Hàn Quốc	Hộp 1 lọ	lọ	1,000	160,000	160,000,000	Công ty TNHH Bionam	5	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
6	Endoxan	Cyclophosphamid	500mg	VN-16582-13 (có CV gia hạn số 5084/QLD-ĐK ngày 08/04/2019)	Tiêm	Bột pha tiêm tĩnh mạch	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ Bột pha tiêm 500mg	Lọ	6,000	124,376	746,256,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
7	Uromitexan	Mesna	400mg/ 4ml	VN-20658-17	Tiêm	Dung dịch tiêm truyền	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 15 ống x 4ml	Ống	8,000	36,243	289,944,000	Công ty TNHH Một thành viên Vimedimex Bình Dương	1	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
8	Mesogold 500	Cefprozil	500mg	VD-29866-18	Uống	Viên nang cứng	Công ty CPDP Trung Ương 2	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Viên	500	28,000	14,000,000	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
9	Furosemid 20mg/2ml	Furosemid	20mg/2ml	VD-25211-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	Ống	50,000	876	43,800,000	Liên danh thầu Công ty cổ phần thương mại Minh Dân - Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân.	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
10	Vitamin K1 10mg/1ml	Vitamin K1	10mg/ 1ml	VD-25217-16	Tiêm	Dung dịch tiêm	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	Ống	3,000	1,613	4,839,000	Liên danh thầu Công ty cổ phần thương mại Minh Dân - Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân.	4	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng

Ghi chú: Viện Huyết học-Truyền máu Trung ương gửi kèm Báo cáo này Quyết định lựa chọn nhà thầu và Danh mục thuốc trúng thầu.

Nơi nhận:
Như trên
Lưu: VT, Dược

VIỆN HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU TRUNG ƯƠNG

VIỆN TRƯỞNG

BẠCH QUỐC KHÁNH